**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**TUẦN** :…1…**Từ ngày** 5 / 09 **đến ngày**  8/ 05 / 2023

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Ngày | Môn | Số tiết chương trình | Tên bài dạy |
| **3**  **Ngày**  **5/9**  **4**  **Ngày**  **6/9** | SÁNG- CHIỀU SÁNG- CHIỀU | HĐTN | 1 | Mừng năm học mới |
| TV | 1 | Tuổi ngựa ( T1) |
| TV | 2 | Tuổi ngựa (T2) |
| T | 1 | Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 |
| ĐĐ | 1 | Bài 1: Người lao đông quanh em |
| MT | 1 | Bài 1: Đậm, nhạt, khác nhau của màu |
| Tin học | 1 | Bài 1: Phần cứng máy tính |
| Công nghệ | 1 | Bài 1: Lợi ích của hoa và cây cảnh |
| AV |  |  |
| AV |  |  |
| TV | 3 | Viết đoạn văn về một nhân vật |
| T | 2 | Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (TT) |
| TV | 4 | Kể chuyện: Làm chị |
| KH | 1 | Tính chất và vai trò của nước |
|  |  | GDTC | 1 | Động tác đi đều một hàng đọc vòng bên phải |
| **5**  **Ngày**  **7/9** | SÁNG- CHIỀU | TV | 5 | Cái răng khểnh |
| T | 3 | Ôn tập về hình học và do lường |
| LS | 1 | Làm quen với phương tiện học tập môn LS và ĐL |
| HĐTN | 2 | Giữ gìn trường lớp em xanh, sạch, đẹp |
| TV | 6 | Danh từ |
| AV |  |  |
| AV |  |  |
| **6**  **Ngày 8/9** | SÁNG C  HIỀU | T | 4 | Ôn tập về hình học và do lường ( TT) |
| ÂN | 1 | Hát: Em là bông hồng nhỏ |
| KH | 2 | Tính chất và vai trò của nước ( TT ) |
| TV | 7 | Luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật |
| T | 5 | Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất |
| ĐL | 2 | Làm quen với phương tiện học tập môn LS và ĐL |
| GDTC | 2 | Ôn động tác đi đều một hàng đọc vòng bên phải |
| HĐTN | 3 | Tuyên truyền phong trào Trường em xanh, sạch, đẹp |
| PHT Tổ Trưởng  **Nguyễn Thị Hạnh Trần Văn Thức** | | | | |  |  |  | SHL: Em học được gì về chủ đề chia sẻ hợp tác |

**Tiếng Việt:** **Ngày soạn: 3/9/2023**

**Ngày dạy: Thứ Ba ngày 5/9/2023**

**HĐTN :**

**MỪNG NĂM HỌC MỚI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

* Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Khảo sát thực trạng cảnh quan trường học.
* Đánh giá thực trạng khảo sát.
* Tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp*.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ, trách nhiệm:* có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc khảo sát và đánh giá thực trạng; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Giấy, bút, bút màu.
* Phiếu khảo sát theo mẫu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1: Sinh hoạt dưới cờ: Chào năm học mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - HS vui vẻ, phấn khởi tham gia Lễ khai giảng năm học mới.  - HS tích cực, nhiệt tình hưởng ứng phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp.*  **b. Cách tiến hành**  - Nhà trường giới thiệu buổi Lễ khai giảng chào mừng năm học mới.    - GV tổ chức cho HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ chào mừng năm học mới. Các tiết mục văn nghệ đến từ HS tất cả các khối lớp.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc về các tiết mục văn nghệ và cảm xúc ngày tựu trường theo các câu hỏi gợi ý sau:  *+ Em thích tiết mục văn nghệ nào nhất?*  *+ Em ấn tượng với điều gì nhất trong Lễ khai giảng?*  *+ Em có cảm xúc gì trong ngày tựu trường?*  *+ Trong năm học mới, em mong muốn mình sẽ làm được những điều gì?*  - GV phát động phong trào Trường em xanh, sạch đẹp tới HS toàn trường theo các gợi ý sau:  *+ Nêu ý nghĩa phong trào.*  *+ Phổ biến nội dung, hình thức hoạt động, những việc làm cụ thể để hưởng ứng phong trào.*  *+ Khuyến khích HS tích cực, nhiệt tình tham gia phong trào Trường em xanh, sạch, đẹp bằng những việc làm cụ thể.* | - HS lắng  nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.    - HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ theo sự chuẩn bị của GV.  - HS trình bày những cảm xúc theo các ý GV đưa ra.    - HS lắng nghe và hưởng ứng lời phát động phong trào theo hướng dẫn của GV. |

## ĐỌC 1: TUỔI NGỰA

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng/ phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung của các đoạn thơ, toàn bài thơ. Hiểu được đặc điểm của nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ: thích đi đây đi đó; yêu thiên nhiên, đất nước; rất yêu mẹ.
* Thể hiện được giọng đọc vui tươi, tha thiết phù hợp với nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Bước đầu cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật qua ngôn ngữ nhân vật và các chi tiết miêu tả.
* Bày tỏ được sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong bài thơ.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước (yêu thiên nhiên, đất nước), nhân ái (tình yêu thương dành cho mẹ).

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.
* Giấy A0 (4 tờ), giấy A4 (20 tờ).

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giới thiệu bài: *“Tuổi ngựa” là một bài thơ hay, ngộ nghĩnh của nhà thơ nữ Xuân Quỳnh. Bài thơ kể về câu chuyện của một em bé sinh năm Ngọ với mẹ của mình. Để*  *biết bài thơ này thú vị ra sao, chân dung của bạn nhỏ trong bài như thế nào, chúng ta cùng đọc bài nhé.*  - GV ghi tên bài học: ***Đọc 1 – Tuổi ngựa.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ dễ đọc sai.  - Xác định được các khổ thơ.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Cách tiến hành**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Đọc diễn cảm toàn bài thơ;* g*iọng đọc hồn nhiên, vui tươi.*  - GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ ngữ HS dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương:  *+ Miền Bắc: trung du, trăm miền, lóa, màu trắng, nắng, núi.*  *+ Miền Trung: chỗ, sẽ, dẫu.*  *+ Miền Nam: ngựa con, ngọn gió, đất đỏ, đại ngàn, viết, hết, ngọt ngào, cách.*  - GV hướng dẫn HS xác định các khổ thơ:  *+ Khổ 1: 4 dòng thơ đầu.*  *+ Khổ 2: 8 dòng thơ tiếp theo.*  *+ Khổ 3: 8 dòng thơ tiếp theo khổ 2.*  *+ Khổ 4: 6 dòng thơ cuối.*  - GV giao nhiệm vụ luyện đọc cho HS:  *+ Đọc lần lượt 4 khổ thơ. Mỗi khổ GV mời đại diện 3 – 4 HS đọc. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.*  *+ Đọc nối tiếp các khổ thơ (2 – 3 lượt đọc nối tiếp).*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS khá, giỏi đọc toàn bộ bài thơ. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  *+ Tuổi Ngựa: sinh năm Ngọ (theo âm lịch).*  *+ Trung du: miền đất ở khoảng giữa thượng du (nơi bắt đầu) và hạ du (nơi kết thúc) của một dòng sông.*  *+ Đại ngàn: khu rừng lớn, có nhiều cây to lâu đời.*  - GV cho 5 HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi của SGK:  *(1) Ở khổ thơ 1, bạn nhỏ hỏi mẹ điều gì? Mẹ trả lời thế nào?*  *(2) Bạn nhỏ tưởng tượng “ngựa con” sẽ theo ngọn gió đi những đâu?*  *(3) Theo em, vì sao bạn nhỏ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng?*  *(4) Em thích những hình ảnh nào trong khổ thơ 3?*  *(5) Hãy nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ.*  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài đọc một lượt.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật “mảnh ghép”:  *+ Bước 1: Sử dụng nhóm chuyên: 5 nhóm – 5 câu hỏi (1 – 2 – 3 – 4 – 5).*  *+ Bước 2: Sử dụng 4 nhóm ghép: mỗi nhóm thảo luận 5 câu trả lời cho 5 câu hỏi.*  *+ Bước 3: Sử dụng hình thức hoạt động lớp – hướng dẫn đại điện của 5 nhóm ghép trình bày kết quả thảo luận chung trước lớp.*  - GV tổ chức cho HS tự nhận xét, đánh giá.  - GV bình luận thêm về cái hay, cái đẹp của hình ảnh thơ, nội dung của bài thơ.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 1. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 2. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 3. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 4. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 5. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và cho HS liên hệ với đặc điểm của bản thân.  - GV rút ra nội dung bài thơ cho HS: *Tình yêu mẹ và ước mơ đi tới những miền đất lạ, những chân trời xa xôi để hiến dâng và lao động sáng tạo.*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Đọc diễn cảm bài thơ với hình thức đọc cá nhân.  - Biết cách ngắt giọng ở một số dòng thơ, nhấn giọng ở từ ngữ giàu sức gợi tả.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm với hình thức đọc cá nhân; lưu ý HS cách ngắt giọng ở một số dòng thơ, nhấn giọng ở từ ngữ giàu sức gợi tả; thể hiện giọng đọc phù hợp. Ví dụ:  *Mẹ ơi,/ con sẽ phi//*  *Qua* ***bao nhiêu****/ ngọn gió//*  *Gió* ***xanh****/ miền trung du//*  *Gió* ***hồng****/ vùng đất đỏ//*  *Gió* ***đen hút****/ đại ngàn//*  ***Mấp mô****/ triền núi đá…//*  *Con mang về/ cho mẹ//*  *Ngọn gió/ của trăm miền.//*  *Ngựa con/ sẽ đi khắp//*  *Trên/ những cánh đồng hoa//*  ***Loá*** *màu trắng/ hoa mơ//*  *Trang giấy nguyên/ chưa viết//*  *Con* ***làm sao****/* ***ôm hết****//*  *Mùi hoa huệ/* ***ngọt ngào****//*  *Gió và nắng/* ***xôn xao****//*  ***Khắp đồng****/ hoa cúc dại./* - GV cho HS:  + Lựa chọn đoạn thơ yêu thích, thi đọc diễn cảm.  + Trả lời câu hỏi về lí do lựa chọn đoạn đọc.  + Nhận xét, đánh giá, thảo luận về giọng đọc, cách đọc diễn cảm.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động.  **\* CỦNG CỐ**  - GV tổ chức cho HS tự nhận xét, đánh giá về tiết học; nói về những điều thu được sau bài học, những điều mong muốn biết thêm.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Học thuộc lòng các khổ thơ 3, 4 (khuyến khích HS học thuộc lòng cả bài thơ).  + Về nhà tự đọc sách báo như đã hướng dẫn trong SGK. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS nghe và đọc thầm theo.    - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.    - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS đọc bài trước lớp. Các HS khác đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.    - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.    - HS đọc câu hỏi.    - HS đọc thầm.  - HS thảo luận nhóm.    - HS tự nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời câu hỏi 1:  *Bạn nhỏ hỏi mẹ: Tuổi con là tuổi gì?*  *Mẹ bạn nói: Tuổi con là tuổi Ngựa – tuổi đi, không chịu ở yên một chỗ.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 2:  *Bạn nhỏ tưởng tượng mình sẽ đi khắp mọi miền đất nước: từ miền trung du đến cao nguyên đất đỏ và những cánh rừng đại ngàn.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 3:  *Bạn nhỏ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng bởi vì mỗi vùng đất có đặc điểm riêng: miền trung du thường xanh mướt cỏ cây (gió xanh), vùng cao nguyên đất đỏ bazan màu mỡ (gió hồng), đại ngàn xanh thẫm (gió đen).*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 4:  *Trong khổ thơ 3, có ba hình ảnh: màu trắng loá như giấy trắng của hoa mơ, mùi hương hoa huệ ngọt ngào, gió và nắng xôn xao khắp cánh đồng hoa cúc dại. Mỗi hình ảnh có vẻ đẹp riêng, thể hiện bạn nhỏ cảm nhận cảnh vật, không gian bằng rất nhiều giác quan: thị giác (cảm nhận màu trắng sáng, tinh khiết của hoa mơ), khứu giác (cảm nhận hương thơm ngọt ngào của hoa huệ), thính giác – thị giác (cảm nhận âm thanh của gió, màu sắc của nắng, của hoa cúc dại),...*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 5:  *Bạn nhỏ trong bài thơ là một em bé thích bay nhảy, đi đây đi đó; giàu lòng yêu thiên nhiên, đất nước; rất yêu mẹ, dù có xa xôi cách trở thế nào cũng nhớ mẹ, nhớ đường về với mẹ.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lắng nghe.    - HS đọc diễn cảm.    - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V: DIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán:**

## BÀI 1: ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (T1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Ôn tập, củng cố một số kiến thức về số và phép tính đã học ở lớp 3 như: đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự, làm tròn (đến hàng chục nghìn) các số trong phạm vi 100 000; ôn tập về các phép tính cộng, trừ và nhân, chia (với các số có 1 chữ số) trong phạm vi 100 000 (bao gồm cả tính nhẩm và tính viết).
* Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học: Qua ôn tập về số và các phép tính.
* Năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết các vấn đề toán học: Qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 4
* Bảng phụ.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV giới thiệu trọng tâm của bài học này là ôn tập một số kiến thức về số và phép tính đã học ở lớp 3:  + Số: đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự và làm tròn (đến hàng chục nghìn) các số trong phạm vi 100 000.  + Phép tính: cộng, trừ trong phạm vi 100 000; nhân, chia (với các số có 1 chữ số) trong phạm vi 100 000.  + Vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  - GV cho HS làm quen với bộ đồ dùng học Toán 4.  - GV hướng dẫn HS các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp, cách phát biểu,…  - GV dẫn dắt vào bài học: *“Cô trò mình hôm nay cùng ôn lại các kiến thức liên quan đến số và phép tính trong “****Bài 1: Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000****”*  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - Ôn tập, củng cố các kiến thức về số và phép tính đã học như đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự, làm tròn (đến hàng chục nghìn) các số trong phạm vi 100 000.  - Ôn tập về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia (với các số có 1 chữ số) trong phạm vi 100 000 (tính nhẩm và tính viết).  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Trò chơi “****Ai nhanh, ai đúng****”*  - Hai bạn, mỗi bạn viết một số bất kì, chẳng hạn: 30 820 và 12 315.  - Thực hiện cộng, trừ hai số vừa viết.  - Nhân số vừa viết với 2, chia số vừa viết cho 2.  - GV cho HS làm bài cặp đôi, thảo luận thực hiện theo hướng dẫn của đề bài.  - GV mời 2-3 cặp làm bài trước lớp, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, chữa bài.    ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  a) Số ?    b) Làm tròn số 26 358 đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn.  c) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:  29 999, 90 000, 20 990, 29 909  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của từng câu.  - GV hướng dẫn:  + Câu a: GV yêu cầu HS quan sát các vạch trên tia số, nhận biết và đếm liên tiếp các số (tròn trăm) trên đoạn từ 26 200 đến 27 000. Từ đó nhận biết các số tương ứng trong ô ?.  + Câu b: GV yêu cầu HS nhớ lại quy tắc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn.  + Câu c: GV cho HS trao đổi về cách so sánh, xếp thứ tự các số.  - GV yêu cầu HS đổi vở chấm chéo kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài, chú ý HS cách diễn đạt rõ ràng, lập luận chặt chẽ.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Đặt tính rồi tính:*  27 369 + 34 425  90 714 – 61 533  15 273 3  36 472 : 4  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện đặt tính rồi tính.  - GV yêu cầu HS nhắc lại tính cộng, trừ, nhân, chia (đặt tính rồi tính) trong phạm vi 100 000.  - GV lưu ý HS khi thực hiện từng dạng phép tính.  - GV mời 4 HS lên bảng trình bày kết quả.  - GV cho lớp nhận xét, chữa bài.    ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Số điểm cao nhất trong trò chơi tung bóng vào lưới hiện nay là 25 928 điểm. Kiên còn thiếu 2 718 điểm nữa là bằng số điểm đó. Hỏi Kiên đang có bao nhiêu điểm?*    - GV cho HS làm bài cặp đôi, đọc đề bài, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời rồi trình bày bài giải vào vở.  - GV mời 1 HS lên bảng trình bày bài giải.  - GV nhận xét, chữa bài, chú ý HS cách trình bày bài giải.  ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  a) Chọn hai biểu thức có cùng giá trị:    b) Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:  32 (15 – 6)  244 – 124 : 4  180 : (3 2)  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của từng câu.  - GV hướng dẫn HS ở câu a nên vận dụng các tính chất (giao hoán, kết hợp) của phép cộng để chọn ra hai biểu thức có cùng giá trị.  - GV cùng cả lớp chữa câu a và mời 3 HS lên bảng trình bày câu b.  - GV nhận xét, chữa bài.    ***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***  *Tìm các số La Mã còn thiếu:*    - GV cho HS làm bài nhóm 4 người, thảo luận tìm ra các số còn thiếu.  - GV gợi ý HS đếm số dấu ? để biết được còn bao nhiêu số bị thiếu và tiến hành viết các số đó.  - GV cùng cả lớp chữa bài  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống thực tế.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT7***  *Hiền, Hải và Đức mua các loại bánh ngọt như sau:*  - Hiền mua một hộp bánh vị cam có 3 chiếc giá 39 000 đồng.  - Hải mua một hộp bánh vị dâu có 2 chiếc giá 50 000 đồng.  - Đức mua một hộp bánh vị sô-cô-la có 4 chiếc giá 48 000 đồng.  Theo em, trong các loại bánh trên, chiếc bánh loại nào có giá bán cao nhất, chiếc bánh loại nào có giá bán thấp nhất?  - GV cho HS làm bài cặp đôi, thảo luận để nhận dạng bài toán rồi thực hiện tính toán và chọn lựa câu trả lời cuối cùng.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả, cả lớp so sánh, nhận xét.  - GV chữa bài.    ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT***  *Chọn câu trả lời đúng.*  a) Số bé nhất trong các số 20 107, 19 482, 15 999, 18 700 là:  A. 20 107  B. 19 482  C. 15 999  D. 18 700  *b) Giá trị của biểu thức (35 – 5) : 6 + 2 bằng:*  A. 5  B. 6  C. 7  D. 8  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện tính toán để chọn đáp án đúng.  - GV mời 2 HS chọn đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – *Ôn tập về hình học và đo lường* | - HS chú ý lắng nghe, nhớ lại các kiến thức đã học ở lớp 3.    - HS chú ý nghe, tiếp thu kiến thức.    - HS hình thành động cơ học tập.    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***Ví dụ: 30 820 và 12 315***  ***30 820 + 12 315 = 43 135***  ***30 820 - 12 315 = 18 505***  ***30 820 2 = 61 640***  ***30 820 : 2 = 15 410***  ***12 315 2 = 24 630***  ***12 315 : 2 = 6 157 (dư 1)***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***a) 26 450, 26 850***  ***b) 26 358 làm tròn đến:***  ***+ Hàng chục: 26 360***  ***+ Hàng trăm: 26 400***  ***+ Hàng nghìn: 26 000***  ***+ Hàng chục nghìn: 30 000***  ***c) 20 990, 29 909, 29 999, 90 000***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:      - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *Bài giải*  ***Số điểm Kiên đang có là:***  ***25 928 – 2 718 = 23 210 (điểm)***  ***Đáp số: 23 210 điểm.***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***a) (450 + 38) + 105 = 450 + (38 + 105)***  ***231 + (153 + 924) = (231 + 153) + 924***  ***989 + 0 = 0 + 989***  ***405 + 165 = 165 + 405***  ***b) 32 (15 – 6) = 32 9 = 288***  ***244 – 124 : 4 = 244 – 31 = 213***  ***180 : (3 2) = 180 : 6 = 30***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***Có 14 dấu “?”***  ***→ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX, XX.***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***1 chiếc bánh vị cam có giá bán là 39 000 : 3 = 13 000 (đồng);***  ***1 chiếc bánh vị dâu có giá bán là 50 000 : 2 = 25 000 (đồng)***  ***1 chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán là 48 000 : 4 = 12 000 (đồng)***  ***→ Trong các loại bánh trên, chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán thấp nhất là 12 000 đồng, chiếc bánh vị dâu có giá bán cao nhất là 25 000 đồng.***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a) Chọn C***  ***b) Chọn C***  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm    - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**V DIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

## Đạo đức: BÀI 1: NGƯỜI LAO ĐỘNG QUANH EM

## *(tiết 1)*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này,* *HS sẽ:*

* Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh.
* Biết vì sao phải biết ơn người lao động.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực điều chỉnh hành vi, có thái độ, lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn với người lao động.
* Góp phần hình thành năng lực phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội.

**3. Phẩm chất**

* Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước, chăm chỉ.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Đạo đức 4.
* Các video clip liên quan đến người lao động quanh em và biết ơn người lao động.
* Tranh, hình ảnh về người lao động quanh em và biết ơn người lao động.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**3. Lồng ghép ATGT**

Tuân thủ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khi tham gia giao thông

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời cả lớp xem và hát theo bài hát *Lớn lên em sẽ làm gì?* (sáng tác Trần Hữu Phước).  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên những nghề nghiệp được nhắc tới trong bài hát?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời.  - GV mời các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét và chốt đáp án: *Những nghề nghiệp được nhắc tới trong bài hát là: người công nhân xây dựng, người nông dân lái máy cày, người kĩ sư mỏ địa chất, người lái tàu.*  - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nhờ có những người lao động, chúng ta mới có những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống. Vì vậy, chúng ta cần biết ơn người lao động. Sau đây chúng ta sẽ đến với* ***Bài 1: Người lao động quanh em*** *để**tìm hiểu những đóng góp của họ trong cuộc sống. Từ đó, thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng những lời nói, việc làm cụ thể.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh.  **b.** **Cách thực thực hiện**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  *Em hãy nêu những đóng góp của người lao động trong bức tranh trên?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời.  - GV mời các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  *+ Tranh 1: Nghệ sĩ đờn ca tài tử Nam Bộ là những người góp phần bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể quý giá của cộng đồng, mang lại những phút giây giải trí cho người nghe, góp phần phục vụ du lịch bền vững ở địa phương, duy trì sự đa dạng văn hóa của quốc gia và quốc tế,...*  *+ Tranh 2: Chú bộ đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; đồng thời tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.*  *+ Tranh 3: Người nông dân tham gia lao động sản xuất, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi để làm ra các nông sản phục vụ nhu cầu về lương thực, thực phẩm của mọi người.*  *+ Tranh 4: Bác sĩ khám bệnh, chẩn đoán, kê đơn thuốc, ra phác đồ điều trị và chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.*  *+ Tranh 5: Thợ may làm ra những bộ trang phục giúp chúng ta giữ ấm, chống nắng, làm đẹp,...*  *+ Tranh 6: Diêm dân là người sản xuất muối.*  - GV tiếp tục đặt câu hỏi cho HS: *Hãy kể thêm những đóng góp của một số người lao động khác mà em biết?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, chốt đáp án: *Những đóng góp của người lao động khác.*  *+ Người giáo viên có nhiệm vụ dạy dỗ, đào tạo các học sinh nên người.*  *+ Người lao công giữ cho môi trường quan ta luôn sạch sẽ.*  **Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết vì sao phải biết ơn người lao động.  **b. Cách thức thực hiện**  - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi:  *+ Bài học quý mà Hùng, Quý và Nam nhận được là gì?*  *+ Theo em vì sao phải biết ơn người lao động?*  **CÁI GÌ QUÝ NHẤT**  Một hôm, trên đường đi học về, Hùng, Quý và Nam trao đổi với nhau xem ở trên đời này, cái gì quý nhất.  Hùng nói: “Theo tớ, quý nhất là lúa gạo. Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không?”.  Quý và Nam cho là có lí. Nhưng đi được mươi bước, Quý vội reo lên: “Bạn Hùng nói không đúng. Quý nhất phải là vàng. Mọi người chẳng thường nói quý như vàng là gì! Có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo!”.  Nam vội tiếp ngay: “Quý nhất là thời gian. Thầy giáo thường nói thời gian quý hơn vàng bạc. Có thời gian mới làm ra lúa gạo, vàng bạc!”.  Cuộc tranh luận thật sôi nổi, người nào cũng có lí, không ai chịu ai. Hôm sau, ba bạn đến nhờ thầy giáo phân giải.  Nghe xong, thầy mỉm cười rồi nói:  - Lúa gạo quý vì ta phải đổ bao mồ hôi mới làm ra được. Vàng cũng quý vì nó rất đắt và hiếm. Còn thời gian đã qua đi thì không lấy lại được, đáng quý lắm. Nhưng lúa gạo, vàng bạc, thời gian vẫn chưa phải là quý nhất. Ai làm ra lúa gạo, vàng bạc, ai biết dùng thời gian? Đó chính là người lao động, các em ạ! Không có người lao động thì không có lúa gạo, không có vàng bạc, nghĩa là tất cả mọi thứ đều không có và thời gian cũng trôi qua một cách vô vị mà thôi.  (Theo Trịnh Mạnh – Tiếng Việt 5, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời.  - GV mời các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:  *+ Bài học quý mà Hùng, Quý và Nam nhận được: “Lúa gạo, vàng bạc, thời gian vẫn chưa phải là quý nhất. Ai làm ra lúa gao, vàng bạc, ai biết dùng thời gian? Đó chính là người lao động. Không có người lao động thì không có lúa gạo, không có vàng bạc, nghĩa là tất cả mọi thứ đều không có và thời gian cũng trôi qua một cách vô vị mà thôi.*  *+ Cần phải biết ơn người lao động vì người lao động làm ra của cải, mọi vật dụng trong xã hội phục vụ nhu cầu cuộc sống của chúng ta.*  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận xét được các ý kiến có liên quan đến người lao động và đóng góp của những người lao động.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập 1: Nhận xét các ý kiến***  - GV chia lớp thành 4 nhóm.  - GV cho các lớp bốc thăm chọn ý kiến.  - GV cho cả lớp thời gian thảo luận để đưa ra phần nhận xét.  - GV mời các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  *+ Ý kiến 1: Là ý kiến chưa đúng vì mỗi ngành nghề, mỗi người lao động đều có đóng góp khác nhau cho xã hội, nên chúng ta phải tôn trọng tất cả các ngành nghề và tất cả những người lao động chân chính quanh ta.*  *+ Ý kiến 2: Đây là ý kiến đúng vì mọi sản phẩm đều nhờ có người lao động tạo ra.*  *+ Ý kiến 3: Là ý kiến chưa đúng vì những sản phẩm của người lao động khác mà chúng ta không sử dụng thì những sản phẩm đó cũng dùng để phục vụ nhu cầu của những người khác trong xã hội, giúp xã hội và cộng đồng phát triển bền vững.*  ***Bài tập 2. Bày tỏ ý kiến***  - GV chia lớp thành các nhóm học tập.  - GV yêu cầu các nhóm đọc tình huống và thể hiện ý kiến: *Đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm nào sau đây? Vì sao?*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  *+ Ý kiến 1: Đồng tình vì nó thể hiện được tình yêu và sự trân trọng đối với đóng góp của người lao động là người đầu bếp.*  *+ Ý kiến 2: Không đồng tình vì bạn học sinh chưa nhận thấy được đóng góp của người lao động là chú cảnh sát giao thông.*  *+ Ý kiến 3: Đồng tình vì nó thể hiện được tình yêu và sự trân trọng đối với đóng góp của người lao động là chú bảo vệ.*  *+ Ý kiến 4: Không đồng tình vì bạn học sinh chưa nhận thấy được đóng góp của người lao động là cô thu ngân.*  ***Bài tập 3: Xử lí tình huống***  - GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi  *+ Tình huống 1: Một hôm, Nam và Quân chia sẻ với nhau về nghề nghiệp của bố mình. Quân rất tự hào vì bố của Quân là công nhân. Nam cũng rất hãnh diện vì bố mình là nhà báo. Quân thắc mắc: “Nhà báo có đóng góp gì cho xã hội vậy Nam?”.*  *Nếu là Nam, em sẽ trả lời bạn như thế nào?*  *+ Tình huống 2: Hồng đọc được một bài viết về tấm gương người lao động trên báo Tuổi trẻ. Hồng cảm thấy rất ngưỡng mộ và yêu quý tấm gương này nên chia sẻ với Lan. Lan bảo: “Đây đâu phải là người thân của mình mà mình phải yêu quý, biết ơn. Họ có giúp được gì cho mình đâu.”.*  *Nếu là Hồng, em sẽ ứng xử như thế nào?*  - GV mời 2 – 4 HS đưa ra cách ứng xử phù hợp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, rút ra những cách ứng xử phù hợp.  *+ Tình huống 1: Nhà báo có nhiệm vụ tìm kiếm thông tin, sau đó xác minh tính xác thực của thông tin, đánh giá thông tin để đảm bảo tính đúng của thông tin. Sau đó họ sẽ đưa những tin tức nóng hổi hàng ngày, hàng giờ đến công chúng thông qua các loại hình báo giấy, truyền hình phát thanh.*  *+ Tình huống 2: Người lao động làm ra của cải vật chất và mang lại những giá trị tinh thần cống hiến cho xã hội. Tất cả sản phẩm trong xã hội có được là nhờ những người lao động. Cuộc sống và xã hội tốt đẹp hơn là nhờ công lao của tất cả người lao động. Do đó, không phải chỉ yêu quý, biết ơn những người thân trong gia đình mà còn phải biết yêu thương, quý trọng những người lao động.*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập 1. Sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,… về người lao động***  - GV hướng dẫn HS sưu tầm ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,… về người lao động.  - GV cho HS thời gian hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu.  - GV khuyến khích HS trang trí sản phẩm mang tính thẩm mĩ và sáng tạo như ghi sản phẩm vào các bông hoa, khung hình,...  - GV mời 2 – 3 HS trình bày. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp và động viên HS tích cực thực hiện.  - GV đưa ra một số câu ca dao, tục ngữ về người lao động:  *+ Muốn no thì phải chăm làm,*  *Một hột thóc vàng, chín hột mồ hôi.*  *+ Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang,*  *Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.*  ***Bài tập 2. Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một người lao động quanh em***  - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu về một người lao động và ghi lại vào giấy.  - GV gợi ý cho HS: *Tìm hiểu về chú cảnh sát giao thông, cô lao công ở trong trường hoặc chính bố mẹ và người thân của em.*  - GV cho HS 1 tuần để thực hiện. GV hỗ trợ, hướng dẫn, động viên HS tích cực thực hiện.  - GV mời 3 – 5 HS chia sẻ sau 1 tuần thực hiện. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, động viên HS tích cực thực hiện.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Người lao động quanh em.*  + Biết vì sao phải biết ơn những người lao động và nêu được những đóng góp của họ.  + Đọc trước *Bài 2 – Em biết ơn người lao động (SHS tr.9)* | - HS xem và hát theo giai điệu bài hát.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, tiếp thu, chuẩn bị vào bài mới.    - HS quan sát tranh.    - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc câu chuyện và lắng nghe GV nêu câu hỏi.    - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS làm việc theo nhóm.    - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS chia thành các nhóm.  - HS đọc tình huống.    - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS đọc tình huống    - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe GV hướng dẫn.    - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.    - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS tiếp thu, ghi nhớ. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Ngày soạn : 4/9/2023**

**Ngày dạy Thứ Tư ngày 6/9/2023**

**Tiếng Việt:**

## BÀI VIẾT 1: VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT

***(Cấu tạo của đoạn văn)***

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Hiểu về cấu tạo của đoạn văn viết về một nhân vật.
* Vận dụng quy tắc Bàn tay đã học để xác định những việc cần làm khi viết đoạn văn về một nhân vật.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi với các bạn về các ý trong đoạn văn.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Phát hiện được đặc điểm ngoại hình và tính cách nhân vật.

***Năng lực văn học:***

* Thể hiện được cảm nghĩ về nhân vật.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm thông qua các bài tập trong bài.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Đàm thoại, thảo luận nhóm.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Đoạn văn mẫu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Vở viết.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giới thiệu các bài viết trong môn Tiếng Việt lớp 4 cho HS. (VD: *Viết đoạn văn tưởng tượng, viết đoạn văn về một nhân vật, bài văn tả cây cối,…*)  - GV hướng dẫn để HS nắm được yêu cầu cần đạt của bài học.  - GV ghi tên bài học: ***Viết 1 – Viết đoạn văn về một nhân vật.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo đoạn văn (BT1)**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được cấu tạo đoạn văn.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS nối tiếp nhau đọc đoạn văn trong phần Nhận xét (2 lần).  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS) trao đổi về các câu hỏi gợi ý của SGK:  *a. Đoạn văn trên viết về nội dung gì?*  *b. Câu mở đầu giới thiệu nhân vật và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm nhân vật Dế Mèn.*  *c. Các câu tiếp theo phát triển những ý nào của câu mở đoạn?*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).    - GV nhận xét, đánh giá.  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nội dung bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Khi viết đoạn văn về một nhân vật cần viết về những nội dung gì?*  *+ Đoạn văn viết về một nhân vật có cấu tạo như thế nào?*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).    - GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV cho HS đọc nối tiếp nội dung bài học; nêu lại nội dung bài học, không cần nhìn sách.  **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được những việc cần làm để viết một đoạn văn về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ *Tuổi Ngựa*.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi thực hiện yêu cầu:  + Đọc nối tiếp nội dung yêu cầu của phần Luyện tập (2 lần).  + Tự đọc lại (hoặc nhớ lại) bài đọc *Tuổi Ngựa*.  + Dựa vào yêu cầu của bài tập và quy tắc Bàn tay, xác định những việc cần làm:  *1) Viết về ai? (Viết về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ Tuổi Ngựa.)*  *2) Tìm ý*  *- Bạn nhỏ trong bài thơ có đặc điểm gì về ngoại hình, về tính nết?*  *- Em có nhận xét, tình cảm gì với bạn nhỏ trong bài thơ?*  *3) Sắp xếp ý: Sắp xếp các ý em tìm được; có thể thêm/ bớt/ điều chỉnh các ý.*  *4) Viết đoạn văn: Dựa vào kết quả bước 3 để viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về đặc điểm của nhân vật.*  *5) Hoàn chỉnh đoạn văn: Đọc lại đoạn văn, phát hiện và sửa lỗi (nếu có); có thể điều chỉnh đoạn văn (thêm hoặc bớt từ ngữ, thay từ ngữ,...) cho hay.*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động.  **\* CỦNG CỐ**  - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét tiết học, tuyên dương những em tiến bộ hoặc xác định đúng và đủ những việc cần làm.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Tìm đọc thêm một số câu chuyện liên quan đến chủ điểm *Chân dung của em*.  + Đọc trước bài *Kể chuyện: Làm chị*. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS đọc bài.  - HS hoạt động nhóm.    - HS trả lời:  *a. Đoạn văn trên nêu cảm nghĩ về đặc điểm ngoại hình, tính cách của nhân vật Dế Mèn trong truyện “Dế Mèn phiêu lưu kí”.*  *b. Câu mở đầu giới thiệu nhân vật và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm nhân vật Dế Mèn.*  *c. Các câu tiếp theo làm rõ đặc điểm về ngoại hình và tính cách của Dế Mèn đã nêu trong câu mở đoạn.*  - HS chú ý lắng nghe.    - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi:  *+ Cần nêu cảm nghĩ về đặc điểm ngoại hình và tính cách của nhân vật.*  *+ Đoạn văn gồm có câu mở đoạn và một số câu tiếp theo. Câu mở đoạn giới thiệu nhân vật và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm của nhân vật. Các câu tiếp theo làm rõ những đặc điểm đã nêu ở câu mở đoạn, trong đó có các câu nêu nhận xét và thể hiện tình cảm của người viết với nhân vật.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu.    - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V: ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

**Toán:**

## BÀI 1: ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000 (T2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Ôn tập, củng cố một số kiến thức về số và phép tính đã học ở lớp 3 như: đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự, làm tròn (đến hàng chục nghìn) các số trong phạm vi 100 000; ôn tập về các phép tính cộng, trừ và nhân, chia (với các số có 1 chữ số) trong phạm vi 100 000 (bao gồm cả tính nhẩm và tính viết).
* Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học: Qua ôn tập về số và các phép tính.
* Năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết các vấn đề toán học: Qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất yêu nước, trung thực, trách nhiệm.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 4
* Bảng phụ.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - Ôn tập, củng cố các kiến thức về số và phép tính đã học như đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự, làm tròn (đến hàng chục nghìn) các số trong phạm vi 100 000.  - Ôn tập về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia (với các số có 1 chữ số) trong phạm vi 100 000 (tính nhẩm và tính viết).  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  a) Chọn hai biểu thức có cùng giá trị:    b) Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:  32 (15 – 6)  244 – 124 : 4  180 : (3 2)  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của từng câu.  - GV hướng dẫn HS ở câu a nên vận dụng các tính chất (giao hoán, kết hợp) của phép cộng để chọn ra hai biểu thức có cùng giá trị.  - GV cùng cả lớp chữa câu a và mời 3 HS lên bảng trình bày câu b.  - GV nhận xét, chữa bài.    ***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***  *Tìm các số La Mã còn thiếu:*    - GV cho HS làm bài nhóm 4 người, thảo luận tìm ra các số còn thiếu.  - GV gợi ý HS đếm số dấu ? để biết được còn bao nhiêu số bị thiếu và tiến hành viết các số đó.  - GV cùng cả lớp chữa bài  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống thực tế.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT7***  *Hiền, Hải và Đức mua các loại bánh ngọt như sau:*  - Hiền mua một hộp bánh vị cam có 3 chiếc giá 39 000 đồng.  - Hải mua một hộp bánh vị dâu có 2 chiếc giá 50 000 đồng.  - Đức mua một hộp bánh vị sô-cô-la có 4 chiếc giá 48 000 đồng.  Theo em, trong các loại bánh trên, chiếc bánh loại nào có giá bán cao nhất, chiếc bánh loại nào có giá bán thấp nhất?  - GV cho HS làm bài cặp đôi, thảo luận để nhận dạng bài toán rồi thực hiện tính toán và chọn lựa câu trả lời cuối cùng.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả, cả lớp so sánh, nhận xét.  - GV chữa bài.    ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT***  *Chọn câu trả lời đúng.*  a) Số bé nhất trong các số 20 107, 19 482, 15 999, 18 700 là:  A. 20 107  B. 19 482  C. 15 999  D. 18 700  *b) Giá trị của biểu thức (35 – 5) : 6 + 2 bằng:*  A. 5  B. 6  C. 7  D. 8  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện tính toán để chọn đáp án đúng.  - GV mời 2 HS chọn đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – *Ôn tập về hình học và đo lường* | - HS chú ý nghe, tiếp thu kiến thức.      - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***a) (450 + 38) + 105 = 450 + (38 + 105)***  ***231 + (153 + 924) = (231 + 153) + 924***  ***989 + 0 = 0 + 989***  ***405 + 165 = 165 + 405***  ***b) 32 (15 – 6) = 32 9 = 288***  ***244 – 124 : 4 = 244 – 31 = 213***  ***180 : (3 2) = 180 : 6 = 30***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***Có 14 dấu “?”***  ***→ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX, XX.***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  ***1 chiếc bánh vị cam có giá bán là 39 000 : 3 = 13 000 (đồng);***  ***1 chiếc bánh vị dâu có giá bán là 50 000 : 2 = 25 000 (đồng)***  ***1 chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán là 48 000 : 4 = 12 000 (đồng)***  ***→ Trong các loại bánh trên, chiếc bánh vị sô-cô-la có giá bán thấp nhất là 12 000 đồng, chiếc bánh vị dâu có giá bán cao nhất là 25 000 đồng.***    - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a) Chọn C***  ***b) Chọn C***  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm    - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Tiếng Việt:**

## NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN *LÀM CHỊ*

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nghe hiểu và kể lại được câu chuyện *Làm chị*.
* Biết cách trao đổi với các bạn về câu chuyện.
* Biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về cách kể chuyện và về ý kiến của bạn trong trao đổi.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết chủ động, tự tin trao đổi cùng các bạn trong nhóm, lớp.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết sáng tạo khi kể chuyện: chọn ngôi kể, sắp xếp trình tự câu chuyện, sử dụng phương tiện trực quan, trang phục…

***Năng lực văn học:***

* Cảm nhận được cái hay của câu chuyện và biết thể hiện tình cảm, cảm xúc khi kể chuyện.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái (yêu thương, quý trọng con người, tôn trọng sự khác biệt của mỗi người).

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Tranh minh họa của bài *Làm chị*.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giới thiệu bài học:  *Ở bài đọc “Tuổi Ngựa” các em đã được làm quen với một em bé giàu lòng nhân ái, yêu thiên nhiên, đất nước. Hôm nay, chúng ta sẽ làm quen với một cô bé, dù còn nhỏ nhưng đã biết giúp đỡ mẹ và chăm sóc em. Các em hãy chú ý lắng nghe câu chuyện nhé.*  - GV ghi tên bài học: ***Kể chuyện “Làm chị”.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nghe kể chuyện (BT1)**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được tình tiết, diễn biến và nhân vật của câu chuyện.  **b. Cách tiến hành**  - Lần 1: GV kể diễn cảm toàn bộ câu chuyện *Làm chị* cho cả lớp nghe.  - Lần 2: GV kể từng đoạn câu chuyện, kết hợp sử dụng câu hỏi trong sơ đồ SGK tr.8 để hướng dẫn HS theo dõi nội dung câu chuyện.    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, yêu cầu HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong sơ đồ để nắm vững tình tiết, diễn biến và nhân vật của câu chuyện.  **Hoạt động 2: Kể chuyện**  ***Nhiệm vụ 1: Kể chuyện trong nhóm***  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS kể lại được câu chuyện *Làm chị* trong nhóm.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời đại diện 1 HS đọc BT1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV giúp HS hiểu nhiệm vụ: *Dựa vào sơ đồ và các câu hỏi gợi ý để kể và trao đổi về câu chuyện “Làm chị”.*  - GV tổ chức cho HS kể chuyện trong nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS).  ***Nhiệm vụ 2: Kể chuyện trước lớp***  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS kể lại được câu chuyện *Làm chị* trước lớp.  **b. Các tiến hành**  - GV mời HS xung phong kể từng đoạn của câu chuyện. Các HS khác lắng nghe, góp ý.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện. Các HS khác lắng nghe, góp ý.  - GV nhận xét, đánh giá, góp ý.  **Hoạt động 3: Trao đổi về câu chuyện (BT2)**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được nội dung và ý nghĩa của câu chuyện.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (mỗi nhóm 5 – 6 HS) về 3 nội dung:  *a. Em suy nghĩ gì về câu chuyện giữa Hồng và em trai? Giữa em với anh (hoặc chị, em) của mình có những điểm gì giống Hồng và Thái?*  *b. Từ những thay đổi của Hồng trong việc giúp đỡ mẹ và chăm sóc em trai, em có suy nghĩ gì?*  *c. Câu chuyện trên giúp em hiểu điều gì?*  - GV mời đại diện của các nhóm trình bày kết quả thảo luận về 3 nội dung trên trước lớp. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện.    - GV tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. Chú ý kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS trong khi nghe.  **Văn bản truyện:**  **Làm chị**  Hồng có một đứa em trai. Thằng Thái em Hồng là chúa bướng bỉnh. Hai chị em cãi nhau chí chóe cả ngày. Chị Hồng cũng chẳng chịu nhường em. Có khi, chỉ quét mỗi cái nhà, hai đứa cũng phải “oẳn tù tì” mấy lần. Chị Hồng ra cái búa mà Thái xòe tay ra bọc thì chị đòi xí xóa. Ngược lại, nếu Thái lỡ xòe tay ra mà chị giơ cái kéo, Thái cũng bắt “oẳn” lại. Mẹ phải bảo:  - Giá các con biết bảo nhau thì nhà đã quét xong từ lâu rồi. Con là chị, con nên nhường nhịn em. Em sẽ phải nghe lời con.  Công việc của mẹ dạo này rất bận, có hôm mẹ phải đi cả ngày. Mẹ giao cho Hồng chăm sóc cửa nhà, quét tước, dọn dẹp. Thương mẹ vất vả, Hồng nghe lời mẹ hơn.  Một hôm, Hồng lau nhà sạch bóng đến mức có thể soi gương được. Thái ta vẫn cứ mải chơi bóng. Hồng bảo em, giọng dịu dàng:  - Thái chơi bóng xong, giúp chị dọn bàn học cho gọn nhé!  - Vâng ạ. - Thái đáp lại chị, giọng rõ thật ngoan.  Chiều, mẹ đi công tác vẫn chưa về, Hồng bảo Thái:  - Em vào đây, chị tắm cho.  Hồng vắt cái khăn mặt lên vai, bảo Thái cúi đầu xuống, dội nước, gội đầu cho em. Rồi vừa kì cánh tay đen nhẻm của em, Hồng vừa giảng cho em mấy bài vệ sinh thân thể mới học. Thái ta cứ ngồi yên như phỗng nghe chị giảng.  Tắm cho em xong, Hồng dặn:  - Bây giờ, em ra trông nhà nhé, để chị giặt quần áo.  - Vâng ạ.  Lần này, Thái “vâng” to hơn, đến nỗi bọn cái Hương, cái Thanh ở nhà bên cũng nghe rõ. Chúng nó bảo:  - Em cậu dạo này ngoan nhỉ.  BÍCH THUẬN  **\* CỦNG CỐ**  - GV tổ chức cho HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của mình và các bạn trong lớp, những bạn tiến bộ về kĩ năng kể, những bạn cần rèn luyện thêm.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và tuyên dương những HS kể hay, thảo luận tốt và những HS có tiến bộ về kĩ năng kể, kĩ năng trao đổi.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Kể chuyện *Làm chị* cho người thân nghe.  + Chuẩn bị cho bài Nói và nghe *Chân dung của em, của bạn* ở tuần sau. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS lắng nghe.    - HS hoạt động nhóm.    - HS đọc bài.  - HS lắng nghe.  - HS kể chuyện trong nhóm.    - HS kể chuyện trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thảo luận nhóm.    - HS trình bày kết quả:  *a. Hồng và em Thái rất hay cãi nhau, chẳng ai chịu nhường ai.*  *HS có thể nêu nhiều ý kiến khác nhau, phù hợp với thực tế. VD: Em trai đôi khi không nghe lời em./ Em cũng hay bướng với anh, chị./ Hai chị em em cũng hay tị nạnh nhau./ Em và anh trai em rất hòa thuận./…*  *b. Hồng là cô bé biết thương mẹ, nghe lời mẹ, biết thay đổi để làm mẹ vui lòng.*  *c. Gợi ý: Muốn em ngoan thì phải nói nhẹ nhàng với em./ Muốn em ngoan thì phải gương mẫu./ Muốn làm người khác thay đổi, trước tiên mình phải thay đổi để làm gương cho người đó.*    - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Khoa học:**

**CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

**BÀI 1: TÍNH CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA NƯỚC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía; thấm qua một số vật và hoà tan một số chất).

- Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

- Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.

- Liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chú ý học tập, tự giác thực hiện thí nghiệm để tìm hiểu tính chất và vai trò của nước từ đó hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực, sôi nổi và nhiệt tình thảo luận trong các hoạt động nhóm. Trình bày được tính chất và vai trò của nước sau khi thực hiện các thí nghiệm; Nêu được ứng dụng tính chất của nước và vai trò của nước thông qua quan sát hình vẽ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước. Tìm được một số ví dụ về vai trò của nước trong đời sống, sinh hoạt, sản xuất ở mức độ đơn giản. Tích cực tham gia các hoạt động vận dụng.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên nước. Có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập và tự giác tìm hiểu tính chất và vai trò của nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Các thiết bị dùng chung cả lớp:** Hình ảnh một số ứng dụng tính chất của nước vào cuộc sống hằng ngày; Hình ảnh về vai trò của nước.

**2. Các thiết bị dùng để HS thực hành theo nhóm, cá nhân:** Đồ dùng thí nghiệm tìm hiểu tính chất của nước (ly nhiều hình dạng khác nhau, khay, vải, ni – lông); phiếu thảo luận nhóm ghi lại kết quả thí nghiệm cho hoạt động 1.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 1: Tính chất của nước** | |
| **A. MỞ ĐẦU**  **\* Mục tiêu**  - Tạo cảm xúc vui tươi trước khi vào tiết học.  - Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tính chất của nước. | |
| **\* Cách tiến hành**  - Tổ chức cho HS hát và vận động theo bài: “Mưa rồi, mưa rơi rồi”.  *Link:*[*https://www.youtube.com/watch?v=o23Uj8VbeRQ*](https://www.youtube.com/watch?v=o23Uj8VbeRQ)  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Bài hát vừa rồi nhắc đến hiện tượng tự nhiên gì?*  *+ Khi trời mưa lớn, bạn thường trú mưa ở đâu?*  *+ Thông thường mái nhà được làm nghiêng như hình dưới đây để che mưa, vậy điều đó giúp ích gì khi trời mưa?*    - GV nhận xét và tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *“Khi trời mưa, đứng trong nhà nhìn ra sẽ thấy nước từ trên mái nhà chảy xuống. Đó là một trong những tính chất của nước. Vậy nước có những tính chất nào?Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu:*  ***Bài 1: Tính chất và vai trò của nước****”*  - GV viết tựa bài lên bảng và yêu cầu HS nhắc lại*.* | - Cả lớp hát và vận động theo bài hát.  - Chú ý lắng nghe và trả lời câu hỏi:  *+ Bài hát vừa rồi nhắc đến hiện mưa.*  *+ Khi trời mưa lớn thường trú ở: trong nhà, sân có mái che,…*  *+ Nhà được làm mái nghiêng như trong hình giúp cho nước mưa chảy từ trên cao xuống, không đọnng lại nước trên mái,…*    - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe.    - Chú ý lắng nghe và nhắc lại. |
| **B. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI**  **\* Mục tiêu:**  **-** Thực hành, sử dụng được các giác quan để nhận biết một số tính chất của nước.  - Nêu được ứng dụng tính chất của nước thông qua quan sát hình vẽ. | |
| **\* Cách tiến hành:**  ***Hoạt động 1: Thực hành tìm hiểu một số tính chất của nước***  - GV chia lớp thành các nhóm 6, yêu cầu đại diện mỗi nhóm lên trước lớp nhận đồ dùng làm thí  nghiệm và phếu học tập.   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP NHÓM…**  Sử dụng các giác quan (mắt – nhìn, mũi – ngửi, lưỡi – nếm) và thực hiện các bước hướng dẫn trong SGK trang 5, 6, 7 và cho biết:  **1. Tìm hiểu về màu, mùi và vị của nước**  - Nước có màu gì?  - Nước có mùi như thế nào?  - Nước có vị gì?  **2. Tìm hiểu về hình dạng của nước**  - Hình dạng của nước so với hình dạng của vật chứa nó trông như thế nào?  - Nước có hình dạng nhất định không? **3. Tìm hiểu về hướng chảy của nước**  - Khi dựng nghiêng bảng nhựa, hướng chảy của nước như thế nào?    - Khay hứng được nằm ngang, lúc này hướng chảy của nước trông như thế nào?  **4. Tìm hiểu về tính thấm của nước**  - Nước thấm qua cốc nào và không thấm qua cốc nào?  - Hãy kể thêm những vật nước có thể thấm và không thấm?  **5. Tìm hiểu về tính chất hòa tan của nước**  - Điều gì xảy ra ở mỗi cốc:  + Cốc A (nước với muối):  + Cốc B (nước vối đường):  + Cốc C (nước với cát):  - Nước hòa tan và không hòa tan những chất nào? |   **1. Tìm hiểu về màu, mùi và vị của nước**  - Mời 1 HS đọc hướng dẫn trong SGK trang 5.    - Yêu cầu HS tiến hành thảo luận, sử dụng các giác quan của mình (mắt, mũi, lưỡi) thí nghiệm với nước theo các bước trong SGK và ghi lại kết quả tìm hiểu về màu, mùi và vị của nước.  *Lưu ý: GV trợ giúp, hướng dẫn HS kịp thời khi gặp khó khăn.*  - GV  nhắc HS:  *+ HS có thể dùng nước ở bình nước lọc có sẵn ở trog lớp.*  *+ Nhắc HS khi lấy nước phải cẩn thận, không để nước đổ ra nền lớp học gây trơn, trượt, mất vệ sinh.*  *+ Mỗi HS tự uống ly của mình, không uống chung một ly nước.*  **2. Tìm hiểu về hình dạng của nước**  - Mời 1 HS đọc hướng dẫn trong SGK trang 6.    - GV hướng dẫn các nhóm thực hiện thí nghiệm theo tiến trình đã hướng dẫn trong SGK.  *Lưu ý: GV trợ giúp, hướng dẫn HS kịp thời khi gặp khó khăn.*  - Yêu cầu HS quan sát, nhận xét hình dạng của nước so với hình dạng của vật chứa nó rồi ghi lại kết quả tìm hiểu về hình dạng của nước của nước.  **3. Tìm hiểu về hướng chảy của nước**  - Mời 1 HS đọc hướng dẫn trong SGK trang 6.    - GV hướng dẫn các nhóm thực hiện thí nghiệm theo tiến trình đã hướng dẫn trong SGK.  *GV nhắc nhở HS: Khi đổ nước phải nhẹ nhàng, từ từ để quan sát nước chảy trên bảng nhựa và trong khay.*  - Yêu cầu HS quan sát, nhận xét hướng chảy của nước trên bảng nhựa và trong khay rồi ghi lại kết quả tìm hiểu.  **4. Tìm hiểu về tính thấm của nước**  - Mời 1 HS đọc hướng dẫn trong SGK trang 6.    - GV hướng dẫn các nhóm thực hiện thí nghiệm theo tiến trình đã hướng dẫn trong SGK.  - Yêu cầu HS quan sát, nhận xét miếng vải và miếng ni – lông khi đổ nước lên miệng hai miệng cốc, rồi ghi lại kết quả tìm hiểu.  *Lưu ý: GV trợ giúp, hướng dẫn HS kịp thời khi gặp khó khăn.*  **5. Tìm hiểu về tính chất hòa tan của nước**  - Mời 1 HS đọc hướng dẫn trong SGK trang 7.    - GV hướng dẫn các nhóm thực hiện thí nghiệm theo tiến trình đã hướng dẫn trong SGK.  - Yêu cầu HS quan sát 3 ly A, B, C rồi ghi lại kết quả tìm hiểu.  *Lưu ý: GV trợ giúp, hướng dẫn HS kịp thời khi gặp khó khăn*  - Hoàn thành 5 thí nghiệm, GV mời đại diện lần lượt các nhóm lên trình bày kết quả thí nghiệm, thảo luận từng tính chất trước lớp.  - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cùng HS rút ra kết luận: *“Nước ở dạng lỏng trong suốt, không màu, không mùi, không vị và không có hình dạng nhất định. Nước chảy từ trên cao xuống thấp, lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hòa tan được một số chất.”*  - Để khắc sâu tính chất của nước, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Bạn hãy lấy thêm ví dụ trong tự nhiên cho thấy nước luôn chảy từ trên cao xuống thấp?  + Nêu các vật dụng có thể đựng nước, nhận xét về hình dạng của nước khi được đựng trong các vật đó.  + Tại sao mái nhà được làm nghiêng, điều đó giúp ích gì khi trời mưa? Làm mái nhà nghiêng là ứng dụng tính chất nào của nước?    - GV nhận xét, tuyên dương.  ***Hoạt động 2: Quan sát hình vẽ, nêu được một số ứng dụng tính chất của nước***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu SGK trang 7.    - Chia lớp thành các nhóm 4. Yêu cầu HS quan sát hình, thảo luận và trả lời câu hỏi: *Mỗi hình thể hiện ứng dụng tính chất nào của nước?*  - Mời đại diện một số nhóm lên trình bày lần lượt các hình.    - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cùng HS kết luận. | - Chú ý lắng nghe và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.        - 1 HS đọc hướng dẫn 1.    - HS tiến hành thảo luận, sử dụng các giác quan để thực hiện thí nghiệm và ghi lại kết quả.    - Chú ý lắng nghe và thực hiện.    - 1 HS đọc hướng dẫn 2.    - HS tiến hành thảo luận, thực hiện thí nghiệm.    - Quan sát và ghi lại kết quả.    - 1 HS đọc hướng dẫn 3.    - HS tiến hành thảo luận, thực hiện thí nghiệm.    - Quan sát và ghi lại kết quả.    - 1 HS đọc hướng dẫn 4.    - HS tiến hành thảo luận, thực hiện thí nghiệm.  - Quan sát và ghi lại kết quả.    - 1 HS đọc hướng dẫn 5.    - HS tiến hành thảo luận, thực hiện thí nghiệm.  - Quan sát và ghi lại kết quả.    - Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thí nghiệm, thảo luận.  - Chú ý lắng nghe và nhận xét.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe và rút ra kết luận.    - Chú ý lắng nghe và trả lời câu hỏi:  + Vòi nước, rót nước từ bình cào cốc, thác nước,…  + Thau nhựa, cốc nhựa, cốc thủy tinh, bình nước,… Hình dạng của nước giống với hình dạng vật chứa nó.  + Mái nhà được làm nghiêng để khi trời mưa nước sẽ không đọng lại trên mái, giúp mái không bị ố, giảm giá trị của ngôi nhà. Làm mái nhà nghiên là ứng dụng hướng chảy của nước vào cuộc sống.  - Chú ý lắng nghe.    - 1 HS đọc yêu cầu.    - Chú ý lắng nghe và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.  - Đại diện một số nhóm trình bày lần lượt các hình:  + Hình 7: Ứng dụng tính chất không thấm nước: làm ô bằng vải ni – lông; giày bằng cao su, áo mưa bằng vải nhựa. Ứng dụng tính chất hướng chảy của nước (từ cao xuống thấp): làm ô dốc xuống để nước chày xuống, không đọng lại trên ô.  + Hình 8: Ứng dụng tính chất hướng chảy của nước (từ cao xuống thấp): làm ruộng bậc thang, ngăn không cho nước chảy hết xuống chân đồi, núi.  + Hình 9: Ứng dụng tính chất nước không có hình dạng nhất định để làm những bình đựng có hình dạng đẹp mắt và dễ sử dụng.  + Hình 10: Ứng dụng tính chất hòa tan của nước để pha nước chanh.  - Đại diện các nhóm khác nhận xét.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe. |
| **C. THỰC HÀNH VÀ VẬN DỤNG**  ***Xử lý tình huống và trả lời câu hỏi***  **\* Mục tiêu**  - Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.  - Liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước. | |
| **\* Cách tiến hành**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu trong SGK trang 7.  - Chia lớp thành các nhóm 4, yêu cầu HS tiến hành thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Nếu bạn có một đôi giày vải và một đôi ủng bằng cao su thì khi trời mưa, bạn sẽ chọn đi đôi nào? Vì sao?*  *+ Nêu thêm ví dụ về ứng dụng tính chất của nước ở gì đình và địa phương bạn.*  - Mời đại diện một số nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương và chính xác hóa câu trả lời của HS.  - GV chiếu ảnh (để HS hình dung) và cung cấp thêm cho HS **“Ứng dụng tính chất của nước trong cuộc sống”** (tùy theo trình độ của HS):  + Màu, mùi, vị của nước:   * Ứng dụng trong sản xuất thực phẩm và đồ uống (nước ngọt, bia, đồ uống có cồn): nước không mùi, vị, không màu sẽ không ảnh hưởng đến mùi vị hoặc màu sắc của các thành phần khác trong sản phẩm.   + Hình dạng của nước:   * Để làm sạch: Trong máy giăt, các vết bẩn và chất bẩn được loại bỏ nhờ sự dao động động của nước cùng với xà phòng. Trong máy rửa chén, nước được phun lên các đĩa và chén để làm sạch chúng. * Tạo độ ẩm: máy xông hơi sử dụng hình dạng của nước để tạo ra hơi nước và giúp làm dịu các vấn đề về đường hô hấp, da.   + Hướng chảy của nước:   * Để tạo ra năng lượng điện: Nước được dẫn qua các bánh xoay (chảy từ trên cao xuống) để tạo ra động lực, từ đó tạo ra năng lượng điện. * Để tưới cây trồng, tưới tiêu: Nước có thể được phân tán và nước có thể dẫn từ các nguồn nước lớn đến các vùng trồng trọt, cung cấp đủ nước cho cây trồng.   + Tính thấm của nước:   * Để tưới cây trồng: nước thấm vào đất, cung cấp đủ nước cho cây trồng để sinh trưởng và phát triển. * Để làm mát: trời nắng gắt, oi bức, chúng ta có thể dùng nước xịt vào các bề mặt của tòa nhà. Lúc này, nước thấm vào các bức tường sẽ giảm được nhiệt độ bên trong.   + Tính hòa tan của nước:   * Để pha chế thức uống: Các thành phần có thể hòa tan trong nước sẽ tạo ra hỗn hợp đồ uống phù hợp với khẩu vị của người dùng. * Để giải độc cơ thể: được sử dụng trong ứng dụng y tế. Nước có thể hoàn tan các chất động hại trong cơ thể và giúp đưa chúng ra khỏi cơ thể.   - GV nhận xét chung tiết học và tuyên dương.  ***\* Tiếp nối:***  - Dặn dò HS về nhà: Ghi nhớ hằng ngày bạn thường dùng nước để làm gì?; Xem lại bài và làm vở BT. | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Chú ý lắng nghe và tiến hành thảo luận trả lời câu hỏi:  *+ Khi trời mưa nên chọn đi đôi ủng bằng cao su. Vì cao su không thấm nước còn vải sẽ thấm nước (Ứng dụng tính thấm của nước).*  *+ HS chia sẻ theo cá nhân từng gia đình và địa phương mỗi HS.*  - Đại diện một số nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe.    - Chú ý lắng nghe.    . |
| **\* Tiếp nối:**  - GV dặn dò HS về nhà:  + Xem lại bài.  + Làm vở bài tập.  + Thực hiện những hành động bảo vệ tài nguyên nước. | - Một số HS chia sẻ.  - Chú ý lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**GDTC:**

**Ngày soạn : 5/9/2023**

**Ngày dạy: Thứ Năm ngày 7/9/2023**

**Tiếng Việt:**

## ĐỌC 2: CÁI RĂNG KHỂNH

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng/ phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu đặc điểm của nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện (khuyên mỗi người nên tự hào, yêu quý những gì thuộc về bản thân mình; khuyên HS tôn trọng bạn, không trêu đùa bạn về đặc điểm khác biệt).
* Thể hiện giọng đọc diễn cảm phù hợp với người dẫn chuyện và các nhân vật trong câu chuyện.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Cảm nhận được những băn khoăn đáng yêu của nhân vật cậu bé trong câu chuyện.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết lễ phép, lịch sự; tự tin và yêu quý bản thân mình.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Giấy A4.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Kiểm tra bài cũ***  - GV mời 1 – 2 HS đọc lại một đoạn hoặc toàn bài thơ *Tuổi Ngựa* và nêu nội dung, ý nghĩa của bài, đặc điểm của nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giới thiệu bài:  *Mở đầu chủ điểm “Chân dung của em”, các em đã học bài “Tuổi Ngựa”. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục học về chủ điểm này với bài đọc “Cái răng khểnh”, bài đọc trích trong tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần. Tác phẩm từng đoạt giải A cuộc thi sáng tác văn học thiếu nhi năm 2020 do Nhà xuất bản Trẻ và Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và giải thưởng Peter Pan 2008 của Ủy ban Quốc tế về Sách thiếu nhi tại Thụy Điển. Hãy cùng tìm hiểu xem câu chuyện kể về ai, bí mật của nhân vật đó là gì và nhân vật trong câu chuyện có gì đáng yêu nhé!*  - GV ghi tên bài học: ***Đọc 2 – Cái răng khểnh.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  ***Nhiệm vụ 1: Luyện đọc thành tiếng***  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ dễ đọc sai, cách ngắt nghỉ ở một số câu dài, cách đọc lời đối thoại giữa các nhân vật.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Cách tiến hành**  - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác.  - GV lưu ý cho HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương trong từng đoạn:  *+ Miền Bắc: nói, là, nụ cười.*  *+ Miền Trung: răng khểnh, đơn giản, sẽ.*  *+ Miền Nam: đánh răng, đơn giản, khuôn mặt.*  - GV tổ chức cho HS luyện đọc từng đoạn câu chuyện:  *+ Đoạn 1: Từ đầu đến “tôi ít khi cười”.*  *+ Đoạn 2: Từ “Một hôm, bố tôi hỏi” đến “những người xung quanh mình”.*  *+ Đoạn 3: Từ “Một hôm, tôi thuật lại câu nói” đến “cùng giữ chung một bí mật”.*  *+ Đoạn 4: Từ “Tôi đã kể” đến hết.*  - GV lưu ý HS:  + Về cách ngắt nghỉ hơi ở một số câu dài.  *VD: Hãy quan sát đi/ rồi con sẽ thấy/ rất nhiều điều bí mật/ về những người xung quanh mình.*  + Về cách đọc lời đối thoại giữa các nhân vật: *thể hiện sự trao – đáp giữa các nhân vật; lên giọng cuối câu hỏi, câu khiến và câu cảm, xuống giọng cuối câu kể.*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc toàn bài trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  ***Nhiệm vụ 2: Giải nghĩa từ ngữ***  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS giải nghĩa được một số từ ngữ khó.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời 1 HS đọc to, rõ nghĩa các từ: *rạng rỡ, giùm.*  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm nghĩa của từ ngữ khác (nếu cần).  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho 5 HS tiếp nối nhau đọc 5 câu hỏi trong SGK tr.10. Cả lớp đọc thầm theo.  *(1) Tại sao bạn nhỏ trong câu chuyện không thích cái răng khểnh?*  *(2) Khi nghe bạn nhỏ giải thích, người bố đã nói gì?*  *(3) Em có suy nghĩ gì về điều người bố nói?*  *(4) Vì sao bạn nhỏ kể cho cô giáo nghe bí mật của mình?*  *(5) Em nghĩ như thế nào về “nét riêng” (hình dáng, giọng nói, cách ăn mặc,…) của mỗi người?*  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài đọc một lượt.  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 1. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  + GV bổ sung: *Việc trêu chọc bạn có gì đáng trách?*  + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 2. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 3. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 4. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi 5. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).    + GV hỏi thêm: *Câu chuyện muốn nói với em điều gì?*    + GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV rút ra nội dung và ý nghĩa của câu chuyện cho HS.  *+ Nội dung của câu chuyện: Kể về một cậu bé có chiếc răng khểnh và bị bạn bè trêu chọc. Nhưng khi được bố giải thích, cậu đã hiểu ra và tự hào về “điều bí mật” của mình. Cậu muốn chia sẻ để nhiều người biết về bí mật của cậu.*  *+ Ý nghĩa của câu chuyện: Giúp chúng ta hiểu là phải biết tự hào và yêu quý những gì thuộc về bản thân mình.*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Đọc diễn cảm.  - Nhắc lại nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS lựa chọn đoạn để đọc diễn cảm và trả lời tại sao lựa chọn đoạn đó.  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm:  *+ Nếu chọn đoạn 1: HS đọc cá nhân; giọng đọc thể hiện cảm xúc buồn bực, khó chịu vì cái răng khểnh của mình.*  *+ Nếu chọn đoạn 2: HS đọc phân vai (1 HS đọc lời của người dẫn chuyện, 1 HS thể hiện lời của cậu bé, 1 HS thể hiện lời bố).*  *+ Nếu chọn đoạn 3: HS đọc phân vai (1 HS đọc lời của người dẫn chuyện, 1 HS đọc lời của cậu bé, 1 HS đọc lời của cô giáo).*  *+ Nếu chọn đoạn 4: HS đọc cá nhân; giọng đọc thể hiện cảm xúc vui vẻ, hào hứng của cậu bé khi sẵn sàng chia sẻ bí mật của mình cho người khác giữ giùm.*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa của câu chuyện và đặc điểm của nhân vật cậu bé. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động và kết luận.  **\* CỦNG CỐ**  - GV cho HS tự nhận xét về tiết học: Ưu điểm, nhược điểm của mình và các bạn. HS nói về những điều đã biết, những việc đã làm được sau tiết học và những điều em mong muốn biết thêm.  - GV nhận xét tiết học, biểu dương những HS tiến bộ về kĩ năng đọc, những HS đọc hay.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Chuẩn bị cho bài viết 2 *Luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật* (tìm ý và sắp xếp ý). | - HS thực hiện yêu cầu.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS nghe và đọc thầm theo.    - HS lắng nghe.    - HS luyện đọc.    - HS lắng nghe.    - HS đọc bài.    - HS đọc giải nghĩa các từ trong SGK tr.10.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.    - HS đọc câu hỏi.    - HS đọc thầm.  - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi 1:  *Vì bạn nhỏ có một chiếc răng khểnh làm cho bạn xấu đi.*  - HS trả lời theo suy nghĩ riêng của mình.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 2:  *Bố bạn nhỏ nói cái răng khểnh chính là nét riêng của bạn, làm cho nụ cười của bạn khác các bạn khác. Đó là điều đáng tự hào.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 3:  *Lời động viên của bố giúp bạn nhỏ hiểu ra và tự hào về điểm riêng của mình, không còn mặc cảm, xấu hổ vì điều đó nữa.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 4:  *Vì bạn nhỏ tin tưởng vào cô giáo và thích thú khi nghe cô giải thích “khi em kể điều bí mật cho một người biết giữ nó thì bí mật vẫn còn” và khi đó “có hai người cùng giữ chung một bí mật”.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi 5:  *Ai cũng có những “nét riêng”, nhờ đó mà khác với mọi người. Mỗi người nên tự tin, tự hào về “nét riêng” của mình. Tuy nhiên, không nên cố tình tạo nên “nét riêng” bằng những cách tiêu cực (như nói năng không văn minh, ăn mặc không sạch sẽ,…). Không nên trêu chọc bạn vì những nét riêng của bạn.*  - HS trả lời:  *Câu chuyện giúp chúng ta hiểu là nên tự hào và yêu quý những gì thuộc về bản thân mình và cần tôn trọng sự khác biệt của bạn với mọi người.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lắng nghe.    - HS lắng nghe và giải thích lí do chọn đọc đoạn văn.  - HS đọc diễn cảm.    - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Toán:**

**Tiết 3: Bài 3. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (Tiết 1 -Tr. 8)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường đã học từ lớp 3.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** hình minh họa bài.

**2. Học sinh:** bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động** (5p)  - YCHS thực hiện trò chơi “Đố bạn” BT 1 tr. 8 SGK.  + Kể tên các hình đã học.  + Nêu cách tính chu vi hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác.    + Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.  + Kể tên các đơn vị đo dộ dài, khối lượng, dung tích, diện tích đã học.  - NX khen ngợi HS.  - GT tiết học, ghi đầu bài.  **2. Thực hành, luyện tập** (28p)  \* Bài 2. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  \* Bài 3. Gọi HS nêu YC  + Muốn biết cần bao nhiêu màu để sơn các mặt của từng hình khối ta làm thế nào?  - YCHS làm bài nhóm 2, rồi chia sẻ.  - GV và HS nhận xét, chữa bài  \* Bài 4. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  **3. Củng cố - nhận xét** (2p)  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 2 – Ôn tập về hình học và đo lường (tiết 2) | - Đọc YC trò chơi và thực hiện chơi theo nhóm 4.  - Hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác.  + Hình vuông: Độ dài một cạnh nhân với 4.  + Hình chữ nhật: Chiều dài, cộng chiều rộng nhân với 2.  + Hình tam giác:  + Hình tứ giác:  + HCN: chiều dài nhân chiều rộng.  + HV: Độ dài 1 cạnh nhân với chính nó.  - HS kể tên    - Nêu YC bài  - Làm bài theo YC  - Đọc bài toán, nêu bài toán cho biết, bài toán hỏi.  - Ta đếm xem có bao nhiêu hình, từ đó tìm số màu tương ứng.  - HS làm bài.  - Nêu YC bài  - Làm bài theo YC |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Lịch sử:**

## BÀI 1: LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ ( T1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,…
* Sử dụng được một số phương tiện hỗ trợ vào học tập môn Lịch sử, Địa lí.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập

* hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* sưu tầm tư liệu, giới thiệu về một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù:***

* Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* Biết sử dụng những phương tiện hỗ trợ vào việc học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.
* *Yêu nước:* giữ gìn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia của dân tộc.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427), Bản đồ hành chính Việt Nam, Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960), hình ảnh một số hiện vật trưng bày tại Bào tàng Lịch sử Quốc gia.

**b. Đối với học sinh**

* SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS  - Kết nối được kiến thức đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài để tạo hứng thú.  - Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,...  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS đọc thông tin ở phần Khởi động trong SHS tr.5 và nêu nhiệm vụ: *Kể tên các phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí mà em đã biết theo kĩ thuật công não.*  - GV mời lần lượt mỗi HS nêu ít nhất một phương tiện hỗ trợ học tập môn học mà HS đã biết.  - GV khuyến khích HS đưa ra các câu trả lời khác nhau để tạo không khí sôi nổi, hứng thú.  - GV gợi ý cho HS đọc nhanh tên các tiêu đề trong bài và kể tên các phương tiện như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật.... (nếu HS chưa biết)  - GV nhận xét và đưa ra đáp án: *Một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,....*  - GV dẫn dắt vào bài học: *Bài 1 – Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **\* Bản đồ, lược đồ**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về bản đồ, lược đồ và cách sử dụng**  **a. Mục tiêu**: Thông qua hoạt động, HS biết sử dụng bản đồ, lược đồ trong học tập môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm (4 – 6 HS/nhóm), quan sát các hình 1, 2 (SHS tr.5, 6 ), đọc thông tin và thực hiện nhiệm vụ:  + *Quan sát lược đồ hình 1:*   * *Cho biết nội dung thể hiện trên lược đồ.* * *Đọc bảng chú giải và nêu một số kí hiệu được sử dụng trong lược đồ.* * *Kể tên các địa điểm nghĩa quân Lam Sơn tấn công quân Minh.*   *+ Quan sát bản đồ hình 2:*   * *Cho biết nội dung thể hiện trên bản đồ hình 2.* * *Đọc bảng chú giải và nêu một số kí hiệu được sử dụng trong bản đồ.* * *Kể tên thủ đô và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam.*   - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời  *+ Lược đồ hình 1:*   * *Lược đồ nghĩa quân Lam Sơn tấn công quân Minh trong trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427).* * *Kí hiệu mũi tên màu đỏ: nghĩa quân Lam Sơn tấn công.* * *Kí hiệu màu cam: nghĩa quân Lam Sơn mai phục.* * *Kí hiệu màu đỏ có ba mũi tên hướng lên trên: nghĩa quân Lam Sơn phòng ngự.* * *Kí hiệu màu đỏ úp vào nhau: nghĩa quân Lam Sơn bao vây.* * *Kí hiệu dấu X màu đen: nơi quân Minh bị tiêu diệt.* * *Kí hiệu mũi tên màu đen: quân Minh hành quân,...*   *+ Biều đồ hình 2:*   * *Thể hiện các đơn vị hành chính (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) của Việt Nam.* * *Một số kí hiệu trên bản đồ gồm: kí hiệu hình ngôi sao màu đỏ là thủ đô; kí hiệu hai vòng tròn lồng vào nhau là thành phố trực thuộc Trung ương.....* * *Thủ đô của Việt Nam là Hà Nội; các thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.*   - GV tổng kết và hướng dẫn HS các bước cơ bản để sử dụng  hiệu quả lược đồ, bản đồ:  *+ Đọc tên lược đồ, bản đồ để biết nội dung chính được thể hiện.*  *+ Đọc bảng chú giải để biết đối tượng được thể hiện trên lược đồ, bản đồ.*  *+ Dựa vào kí hiệu, màu sắc để tìm đối tượng lịch sử, địa lí trên lược đồ, bản đồ.*  **\* Biểu đồ**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu biểu đồ và cách sử dụng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sử dụng được biểu đồ trong học tập môn Lịch sử và Địa lí.  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát hình 3 và đọc thông tin, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  *+ Kể tên các loại biểu đồ thường được sử dụng.*  *+ Cho biết biểu đồ hình 3 thể hiện nội dung gì. Nêu tên trục dọc, trục ngang của biểu đồ và đơn vị của mỗi trục.*  *+ So sánh độ cao của các cột và nhận xét sự thay đổi số dân Việt Nam qua các năm.*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án:  *+ Các loại biểu đồ thường được sử dụng là biểu đồ cột, tròn, đường,....*  *+ Hình 3 là biểu đồ cột, thể hiện số dân Việt Nam qua các năm. Trục dọc thể hiện số dân, đơn vị là triệu người; trục ngang thể hiện thời gian, đơn vị là năm.*  *+ Độ cao của các cột tăng dần từ trái qua phải, thể hiện dân số Việt Nam liên tục tăng từ năm 1979 đến năm 2019.*  - GV tổng kết và hướng dẫn HS các bước cơ bản để sử dụng hiệu quả biểu đồ:  *+ Đọc tên biểu đồ để biết nội dung thể hiện.*  *+ Quan sát biểu đồ để xác định các đối tượng cụ thể trên biểu đồ.*  **\* Tranh ảnh và hiện vật**  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Chuẩn bị bài : *Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.* | - HS đọc thông tin và lắng nghe GV nêu nhiệm vụ.  - HS trả lời nhiệm vụ.    - HS lắng nghe GV gợi ý.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.    - HS thảo luận nhóm.    - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.        - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.    - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, tiếp thu.      - HS lắng nghe và thực hiện. |

**HDTN:**

**GIỮ GÌN TRƯỜNG LỚP EM XANH, SẠCH, ĐẸP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

* Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Khảo sát thực trạng cảnh quan trường học.
* Đánh giá thực trạng khảo sát.
* Tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp*.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ, trách nhiệm:* có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc khảo sát và đánh giá thực trạng; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Giấy, bút, bút màu.
* Phiếu khảo sát theo mẫu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV mở cho học sinh nghe một video bài hát *Em yêu cây xanh* về chủ đề môi trường:  <https://youtu.be/jba78WGEdOg>  - GV đặt câu hỏi: *Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Bài hát thể hiện tình yêu của bạn nhỏ đối với môi trường thiên nhiên từ đó lan tỏa tình tình yêu và ý thức bảo vệ cây xanh đến mọi người*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Bài hát mở đầu cho bài học đầu tiên trong năm học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 1 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Khảo sát thực trạng cảnh quan trường học.**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Hoàn thành Phiếu khảo sát.  - Mô tả được thực trạng cảnh quan các khu vực trong trường học.  **b. Cách tiến hành:**  -  GV nhắc nhở HS chuẩn bị giấy, bút, bút màu để phục vụ cho hoạt động.  - GV trình chiếu phiếu khảo sát SGK tr.6:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU KHẢO SÁT** | | | | **Tên nhóm:** | | | | **Địa điểm** | **Mô tả thực trạng cảnh quan** | **Nguyên nhân** | | **Khu vực hành lang lớp học.** | - Quét dọn sạch sẽ.  - Chậu cây được cắt tỉa gọn gàng. | ... | | **...** | ... | ... |   - GV chia lớp thành nhóm 4 - 6 HS, phân công các nhóm trưởng.  - GV cho HS chia sẻ về những khu vực cần khảo sát trong trường.  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có).  - GV tổng hợp lại các ý kiến phù hợp của HS:  *+ Khu vực cổng trường.*  *+ Khu vực hành lang lớp học.*  *+ Khu vực các bồn cây trong sân trường.*  *+ Khu vực phòng vệ sinh.*  *+ Khu vườn trường...*  - GV phân chia khu vực cho từng nhóm khảo sát và hướng dẫn HS ghi lại kết quả vào Phiếu khảo sát đã chuẩn bị.  - GV phát phiếu rời cho các nhóm hoặc hướng dẫn các nhóm viết vào Phiếu khảo sát trong *Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 4.*  - GV nhắc nhở các nhóm chú ý đảm bảo an toàn trong quá trình khảo sát.  - GV kết luận***: khen ngợi các nhóm có tinh thần hợp tác, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ khảo sát thực trạng cảnh quan trường học***.  **Hoạt động 2: Đánh giá thực trạng khảo sát.**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Đánh giá được thực trạng cảnh quan trường học sau khi tiến hành khảo sát.  **b. Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả khảo sát trước lớp theo các câu hỏi gợi ý:  *+ Em có nhận xét gì về thực trạng cảnh quan khu vực nhóm  mình khảo sát?*  *+ Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng cảnh quan như vậy*  *+ Theo em, cần làm gì để cải thiện thực trạng cảnh quan khu vực nhóm em khảo sát?*    - GV mời 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, đóng góp, bổ sung ý kiến.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi tương tác với nhóm báo cáo.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: *Mỗi ngôi trường đều có cách xây dựng, bố trí, sắp xếp các khu vực khác nhau. Khảo sát thực trạng cảnh quan nhà trường, tìm hiểu nguyên nhân sẽ thuận lợi cho việc lập kế hoạch và thực hiện giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS quan sát video và lắng nghe ca khúc về chủ đề môi trường.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.    - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.    - HS chuẩn bị dụng cụ học tập.  - HS quan sát.    - HS trở về với nhóm theo phân công của GV.  - HS suy nghĩ và nêu ra khu vực cần khảo sát trong trường.  - HS trình bày trước lớp và lắng nghe ý kiến của các bạn.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe và thực hiện việc điền phiếu theo hướng dẫn của GV.  - Các nhóm tiến hành khảo sát và hoàn thành phiếu theo yêu cầu của GV.  - HS chú ý an toàn trong quá trình tham gia hoạt động.  - HS hoàn thành hoạt động và lắng nghe nhận xét của GV.    - Các nhóm tổng hợp lại kết quả, hoàn thiện Phiếu khảo sát.    - HS trình bày kết quả khảo sát trước lớp.  - HS các nhóm tương tác để hoạt động thêm hiệu quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Tiếng Việt:**

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Hiểu khái niệm danh từ, ý nghĩa của danh từ.
* Nhận biết được các danh từ trong câu, trong đoạn.
* Sử dụng được danh từ trong nói và viết.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:*** Hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ thông qua hoạt động chuẩn bị bài, giải BT ở nhà.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Giấy A4.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Vở viết, giấy nháp.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Kiểm tra bài cũ***  - GV yêu cầu HS tìm một số từ chỉ sự vật và chỉ ra mỗi từ được dùng để trả lời cho câu hỏi nào trong các câu hỏi *Ai?, Cái gì?, Con gì?*.  - GV mời đại diện 1 – 2 HS báo cáo kết quả. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giới thiệu bài mới cho HS:  *Ở lớp 2, lớp 3 các em đã được tìm hiểu về các từ chỉ sự vật, những từ có thể trả lời câu hỏi Ai?, Cái gì?, Con gì?. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về những từ này.*  - GV ghi tên bài học: ***Luyện từ và câu – Danh từ.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nhận xét**  ***Nhiệm vụ 1: Tìm từ chỉ sự vật (BT1)***  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS tìm được từ chỉ sự vật.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS đọc yêu cầu của BT1, hoạt động nhóm và thực hiện BT1: *Tìm các từ chỉ sự vật trong những câu đã cho.*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *Từ chỉ sự vật trong câu:*  *a. mẹ, Hồng, cửa nhà.*  *b. chích bông, sâu, mối, mùa màng, cây cối.*  *c. (cơn) mưa, mùa vụ, cánh đồng.*  ***Nhiệm vụ 2: Xếp các từ vào nhóm thích hợp (BT2)***  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xếp được các từ vào nhóm thích hợp.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS đọc yêu cầu của BT2, hoạt động nhóm và thực hiện BT2: *Xếp các từ tìm được ở BT1 vào nhóm thích hợp:*    - GV lưu ý:  + Kiến thức về từ chỉ sự vật đã được dạy từ lớp 2.  + Sự phân loại các từ chỉ sự vật thành từ chỉ người, từ chỉ vật, từ chỉ con vật, từ chỉ thời gian là một sự phân loại ngôn ngữ học, dựa trên khả năng trả lời các câu hỏi (*Ai?, Cái gì?, Cây gì?, Con gì?, Bao giờ?,…*), cho nên không trùng khít với sự phân loại logic. Nhiều ngôn ngữ sử dụng câu hỏi *Ai?* để hỏi về con vật. Về khả năng đặt câu, chỉ có người và động vật mới được miêu tả bằng động từ chỉ hoạt động; còn tĩnh vật (đồ vật, cây cối) chỉ được miêu tả bằng động từ chỉ hoạt động khi sự vật được nhân hóa.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Từ chỉ người: mẹ, Hồng.*  *+ Từ chỉ vật: cửa nhà, cánh đồng, cây cối.*  *+ Từ chỉ con vật: chích bông, sâu, mối.*  *+ Từ chỉ thời gian: mùa màng, mùa vụ.*  *+ Từ chỉ hiện tượng tự nhiên: (cơn) mưa.*  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nội dung bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS trình bày kiến thức cần ghi nhớ: *Các từ chúng ta vừa tìm hiểu ở hai BT trên được gọi là danh từ. Vậy ai có thể trả lời câu hỏi: Danh từ là gì?*  - GV yêu cầu HS lấy thêm một số ví dụ về danh từ.  **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nhận diện và sử dụng được danh từ.  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS đọc yêu cầu của BT1, hoạt động nhóm tìm danh từ trong câu.- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *Các danh từ trong câu: khi, bạn, hoa, quả, (ngôi) sao, (ông) Mặt Trời, niềm vui, người, câu chuyện, cổ tích, (bác) gió, đêm ngày.*  - GV cho HS đọc yêu cầu BT2, làm việc cá nhân, viết câu vào VBT.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - GV chiếu bài làm của HS hoặc viết nhanh các câu lên bảng, tìm danh từ trong câu. VD:  a. Viết câu giới thiệu về bản thân hoặc về một người bạn: *Nam là một học sinh giỏi và chăm chỉ. Cả lớp rất tự hào về Nam.*  b. Chỉ ra các danh từ đã sử dụng trong câu: *Nam, học sinh, lớp.*  - GV nhận xét, đánh giá.  **\* CỦNG CỐ**  - GV hướng dẫn HS tự nhận xét về tiết học: những điều đáng khen, những điều cần rút kinh nghiệm về tinh thần, thái độ của HS; những kiến thức đã thu nhận được qua bài học *Danh từ*, những kiến thức mong muốn được biết thêm.  - GV tổng hợp ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá tiết học, biểu dương và nhắc nhở một số HS.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại kiến thức đã học về danh từ.  + Chuẩn bị bài viết 2 *Luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật*. | - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS hoạt động nhóm, thực hiện BT.  - HS báo cáo kết quả.  - HS chú ý lắng nghe.    - HS hoạt động nhóm, thực hiện BT.    - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS xung phong trả lời:  *Danh từ là từ chỉ sự vật.*  - HS thực hiện.  *VD: học sinh, nhà trường, gà, vịt, Mặt Trăng,…*    - HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thực hiện.  - HS báo cáo kết quả.  - HS cùng theo dõi.    - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Ngày soạn: 6/9/2023**

**Ngày dạy: Thứ sáu ngày 8/9/2023**

**Toán:**

**Tiết 4: Bài 3. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (Tiết 2 -Tr. 8)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường đã học từ lớp 3.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** hình minh họa bài.

**2. Học sinh:** bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động** (4p)  - YCHS :  + Nêu cách tính chu vi hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác.    - NX khen ngợi HS.  - Giới thiệu tiết học, ghi đầu bài  **2. Thực hành, luyện tập** (20p)  \* Bài 5. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  \* Bài 6. Gọi HS nêu YC  + Muốn biết mỗi bể chứa bao nhiêu lít nước thải ta làm thế nào?  - YCHS làm bài nhóm 2, rồi chia sẻ.  - GV và HS nhận xét, chữa bài  **4. Vận dụng, trải nghiệm** (8p)  \* Bài 7. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài nhóm 4, trình bày.  **4. Củng cố - nhận xét** (2p)  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 3. Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất. | - Nêu miệng:  - Hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình tứ giác.  + Hình vuông: Độ dài một cạnh nhân với 4.  + Hình chữ nhật: Chiều dài, cộng chiều rộng nhân với 2.  + Hình tam giác:  + Hình tứ giác:    - Nêu YC bài  - Làm bài theo YC  - Đọc bài toán, nêu bài toán cho biết, bài toán hỏi.  - Ta lấy 36 000 *l* : 4  - HS làm bài.  +  Đáp án: C. 9 000 *l*  - Nêu YC bài  - Làm bài theo YC |

**Âm nhạc**

**Khoa học:**

**BÀI 1: TÍNH CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA NƯỚC ( T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía; thấm qua một số vật và hoà tan một số chất).

- Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

- Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.

- Liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chú ý học tập, tự giác thực hiện thí nghiệm để tìm hiểu tính chất và vai trò của nước từ đó hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực, sôi nổi và nhiệt tình thảo luận trong các hoạt động nhóm. Trình bày được tính chất và vai trò của nước sau khi thực hiện các thí nghiệm; Nêu được ứng dụng tính chất của nước và vai trò của nước thông qua quan sát hình vẽ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về ứng dụng một số tính chất của nước. Tìm được một số ví dụ về vai trò của nước trong đời sống, sinh hoạt, sản xuất ở mức độ đơn giản. Tích cực tham gia các hoạt động vận dụng.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên nước. Có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập và tự giác tìm hiểu tính chất và vai trò của nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Các thiết bị dùng chung cả lớp:** Hình ảnh một số ứng dụng tính chất của nước vào cuộc sống hằng ngày; Hình ảnh về vai trò của nước.

**2. Các thiết bị dùng để HS thực hành theo nhóm, cá nhân:** Đồ dùng thí nghiệm tìm hiểu tính chất của nước (ly nhiều hình dạng khác nhau, khay, vải, ni – lông); phiếu thảo luận nhóm ghi lại kết quả thí nghiệm cho hoạt động 1.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 2: Vai trò của nước** | |
| **A. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI**  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được vai trò của nước đối với sự sống của con người, động vật, thực vật; vai trò của nước trong sinh hoạt, sản suất nông nghiệ, công nghiệp. | |
| **\* Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu SGK trang 8.    - Yêu cầu HS quan sát và cho biết nội dung của từng hình.  - Chia lớp thành các nhóm 4, phát phiếu học tập.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP NHÓM ….**  Quan sát tranh tròn SGK trang 8 và cho biết vai trò của nước trong mỗi bức hình:   |  |  | | --- | --- | | **Hình** | **Vai trò của nước** | | Hình 11 |  | | Hình 12 |  | | Hình 13 |  | | Hình 14 |  | | Hình 15 |  | | Hình 16 |  | | Hình 17 |  | | Hình 18 |  | |   - Yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận và nêu vai trò của nước ở mỗi hình tương ứng.  - Hết thời gian thảo luận, mời đại diện một số nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - Mời 1 HS đọc phần em có biết.  - GV cùng HS rút ra kết luận: “Nước rất cần cho sự sống của sinh vật. Nước có vai trò quan trọng trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất của con người.” | - 1 HS đọc yêu cầu.    - Chú ý quan sát và cho biết nội dung của từng hình:  + Hình 11: Bạn nam đang uống nước.  + Hình 12: Bạn nữ đang vệ sinh cá nhân.  + Hình 13: Bạn nữ đang rửa rau.  + Hình 14: Bạn am đang bơi.  + Hình 15: Động vật sống dưới nước.  + Hình 16: Hoạt động buôn bán trên mặt nước bằng ghe, thuyền (chợ nổi).  + Hình 17: Tưới rau.  + Hình 18: Ngâm, rửa táo.  - Chú ý lắng nghe và nhận phiếu học tập.    - Chú ý lắng nghe và tiến hành thảo luận.  - Đại diện một số nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận:  + Hình 11: cung cấp nước uống.  + Hình 12: cung cấp nước sinh hoạt hàng ngày.  + Hình 13: Rửa sạch thực phẩm.  + Hình 14: Nâng cao sức khỏe, hoạt động vui chơi.  + Hình 15: Nước là môi trường sống cho các loài động vật sống trong nước.  + Hình 16: giúp phát triển kinh tế và đời sống xã hội.  + Hình 17: Nước dùng để cung cấp nước và chất dinh dưỡng cho thực vật phát tiển.  + Hình 18: Nước được dùng để trong sản  xuất các sản phẩm bảo vệ thực vật xuất công nghiệp.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Chú ý lắng nghe.  - 1 HS đọc.  - Chú ý lắng nghe. |
| **B. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  **\* Mục tiêu:**  - Tìm được ví dụ về vai trò của nước trong thực tế. | |
| **\* Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu trong SGK trang 8.  - Chia lớp thành các nhóm 6, yêu cầu HS chia sẻ thêm vai trò của nước trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất mà mình biết.  - Hết thời gian chia sẻ trong nhóm, GV mời đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp về vai trò của nước trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV giáo dục HS: *“Nước là tài nguyên quan trọng nhất trên Trái Đấ vì nó là nguồn cung cấp đáp ứng nhu cầu đời sống và hoạt động sản xuất của con người, đồng thời cũng là yếu tố quyết định sự sống còn của các loài trên hành tinh. Vậy nên chúng ta phải bảo vệ tài nguyên nước bằng những hành động nhỏ nhất.”*  - Mời một số HS chia sẻ: *“Bạn có thể làm gì để bảo vệ tài nguyên nước?”*  **\* Tiếp nối:**  - GV dặn dò HS về nhà:  + Xem lại bài.  + Làm vở bài tập.  + Thực hiện những hành động bảo vệ tài nguyên nước. | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Chú ý lắng nghe và chia sẻ.  - Đại diện một số nhóm lên trước lớp chia sẻ.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe.    - Một số HS chia sẻ.  - Chú ý lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng việt:**

## BÀI VIẾT 2: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT

***(Tìm ý và sắp xếp ý)***

***(1 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Tìm và sắp xếp ý cho đoạn văn viết về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.
* Có kĩ năng sửa chữa và hoàn thiện dàn ý đoạn văn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi với các bạn về việc tìm ý, sắp xếp ý cho đoạn văn.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Phát hiện được đặc điểm ngoại hình và tính cách nhân vật.

***Năng lực văn học:***

* Thể hiện được sự thông hiểu cũng như xúc cảm đối với nhân vật và nội dung câu chuyện (bài thơ).

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm thông qua việc giải các BT trong bài.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Đàm thoại, dạy học thông qua hệ thống BT.

**2. Hình thức tổ chức dạy học**

* Hoạt động độc lập, hoạt động nhóm, hoạt động lớp.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV, SBT *Tiếng Việt 4*, tập một.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT *Tiếng Việt 4*, tập một.
* Vở viết.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  ***\* Kiểm tra bài cũ***  - GV mời đại diện 1 - 2 HS nhắc lại cấu tạo của đoạn văn về một nhân vật.    - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  ***\* Giới thiệu bài***  - GV giới thiệu bài học:  *Ở bài viết 1, chúng ta đã tìm hiểu về cấu tạo đoạn văn viết về một nhân vật, xác định những việc cần làm để viết đoạn văn về một nhân vật. Ở bài học này, chúng ta sẽ học cách sắp xếp ý cho một đoạn văn như vậy.*  - GV ghi tên bài học: ***Viết 2 – Luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Lựa chọn đề bài, tìm ý**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS chọn được đề bài và tìm được ý cho đề bài.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời đại diện 2 HS đọc đề bài trong SGK tr.11.  - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề bài viết: *Em chọn đề bài nào trong 3 đề bài trên?*  - GV hướng dẫn HS tìm ý cho đề bài vừa chọn: *Em sẽ viết những nội dung gì? (Nêu cảm nghĩ chung về nhân vật em chọn; nêu các đặc điểm ngoại hình; nêu các đặc điểm về tính cách.)*  **Hoạt động 2: Sắp xếp ý**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sắp xếp các ý vừa tìm được.  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS cách sắp xếp ý theo cấu tạo của đoạn văn viết về nhân vật đã học ở các tiết trước (vẽ sơ đồ như gợi ý trong SGK tr.11).    - GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, sắp xếp ý cho đoạn văn của mình.  - GV theo dõi, hỗ trợ hoạt động sắp xếp ý của HS.  **Hoạt động 3: Giới thiệu, chỉnh sửa kết quả tìm ý và sắp xếp ý**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS có thể giới thiệu, chỉnh sửa về kết quả tìm ý và sắp xếp ý của mình.  **b. Cách tiến hành**  - GV mời 2 – 3 HS đọc kết quả tìm ý và sắp xếp ý. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá về bài làm của HS.  **\* CỦNG CỐ**  - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.  - GV tổng hợp ý kiến và nhận xét về tình hình học tập của HS trong tiết học.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Tìm đọc thêm một số câu chuyện liên quan đến chủ điểm *Chân dung của em*.  + Chuẩn bị bài đọc 3 *Vệt phấn trên mặt bàn* SGK tr.12. | - HS nêu cấu tạo của đoạn văn về một nhân vật:  *+ Viết đoạn văn về một nhân vật là nêu cảm nghĩ về đặc điểm (ngoại hình, tính cách,…) của nhân vật đó.*  *+ Câu mở đoạn thường giới thiệu nhân vật và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm của nhân vật. Các câu tiếp theo làm rõ những đặc điểm đã nêu ở câu mở đoạn.*  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.    - HS đọc đề bài.  - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS chú ý lắng nghe.    - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS báo cáo kết quả.  - HS hoàn chỉnh kết quả dựa trên góp ý của GV và các bạn.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Toán:**

**Tiết 5: Bài 4. ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn tập về một số kiến thức về thống kê và xác suất đã học từ lớp 3: Biểu đồ tranh, biểu đồ thống kê số liệu; nhận biết khả năng xảy ra của một sự kiện.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** mô hình vòng quay.

**2. Học sinh:** bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động** (4p)  - YCHS chơi trò chơi “Bắn tên”:  + Kể tên các đơn vị đo dộ dài, khối lượng, dung tích, diện tích đã học.  - NX khen ngợi HS.  - Nêu YCCĐ và ghi đầu bài.  **2. Thực hành, luyện tập** (20p)  \* Bài 1. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  a) Cửa hàng bán được những loại cây nào?  b) Cửa hàng bán được bao nhiêu cây xương rồng?  c) Loại cây nào bán được nhiều nhất?  d) Cửa hàng bán được số cây hoa nhài gấp mấy lần số cây hoa ly?  - GV và HS nhận xét, chữa bài.  \* Bài 2. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài nhóm 2, rồi chia sẻ.  - GV và HS nhận xét, chữa bài    \* Bài 3. Gọi HS nêu YC  - YCHS làm bài, đổi chéo vở kiểm tra.  **4. Vận dụng, trải nghiệm** (8p)  \* Bài 4. Gọi HS nêu YC  - HS làm bài nhóm 2, chia sẻ  **3. Củng cố - nhận xét** (2p)  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - YCHS đọc và chuẩn bị trước Bài 4. Các số trong phạm vi     1 000 000 | - HS chơi.    - Nêu YC bài  - Làm bài theo YC  a) Cửa hàng bán được hoa ly, hoa hồng, hoa giấy, cây xương rồng, hoa nhài.  b) Cửa hàng bán được 3 cây xương rồng.  c) Cây hoa hồng bán được nhiều nhất 5 cây.  d) Gấp 2 lần (hoa ly bán được 2 cây, hoa nhài bán được 4 cây, lấy 4 : 2 = 2 cây)  - Đọc YC bài và các số liệu.  - HS làm bài.  a) Thứ Hai có 16 học sinh đi xe buýt đến trường.  - Thứ Tư có nhiều HS đi xe nhất, Thứ Sáu có ít HS đi xe nhất.  b) Thứ Ba có bao nhiêu học sinh đi xe buýt đến trường?  - Số học sinh đi xe buýt ngày thứ Tư nhiều hơn ngày thứ Sáu bao nhiêu học sinh?...  - Nêu YC bài  - Làm bài theo YC  - Nêu YC bài.  - HS làm bài. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Địa Lý:**

## BÀI 1: LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,…
* Sử dụng được một số phương tiện hỗ trợ vào học tập môn Lịch sử, Địa lí.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* sưu tầm tư liệu, giới thiệu về một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù:***

* Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí.
* Biết sử dụng những phương tiện hỗ trợ vào việc học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.
* *Yêu nước:* giữ gìn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia của dân tộc.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, lắng nghe tích cực.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang (năm 1427), Bản đồ hành chính Việt Nam, Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960), hình ảnh một số hiện vật trưng bày tại Bào tàng Lịch sử Quốc gia.

**b. Đối với học sinh**

* SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, phần Lịch sử.
* Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS  - Kết nối được kiến thức đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài để tạo hứng thú.  - Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,...  **b. Cách tiến hành**  - GV hướng dẫn HS đọc thông tin ở phần Khởi động trong SHS tr.5 và nêu nhiệm vụ: *Kể tên các phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí mà em đã biết theo kĩ thuật công não.*  - GV mời lần lượt mỗi HS nêu ít nhất một phương tiện hỗ trợ học tập môn học mà HS đã biết.  - GV khuyến khích HS đưa ra các câu trả lời khác nhau để tạo không khí sôi nổi, hứng thú.  - GV gợi ý cho HS đọc nhanh tên các tiêu đề trong bài và kể tên các phương tiện như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật.... (nếu HS chưa biết)  - GV nhận xét và đưa ra đáp án: *Một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,....*  - GV dẫn dắt vào bài học: *Bài 1 – Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 3: Sử dụng tranh ảnh, hiện vật trong học tập môn Lịch sử và Địa lí**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sử dụng được tranh ảnh, hiện vật trong học tập môn Lịch sử, Địa lí  **b. Cách tiến hành**  - GV chia HS thành 4 nhóm.  - GV hướng dẫn HS đọc mục 3 và mục 4 trong SHS tr.8, 9 và thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo nhóm.  ***+ Nhiệm vụ 1 (dành cho nhóm chẵn):*** *Quan sát hình 4 và thực hiện các bước: đọc tên ảnh để xác định nội dung khái quát, đặt các câu hỏi để tìm hiểu ảnh, nhận xét nội dung được phản ánh trong ảnh.*  ***+ Nhiệm vụ 2 (dành cho nhóm lẻ):*** *Quan sát hình 6 và thực hiện các bước: đọc tên của hiện vật, đặt các câu hỏi để tìm hiểu hiện vật, nêu nhận xét về nhóm cư dân đã tạo ra hiện vật.*  - GV mời các nhóm đại diện trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý.  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án  *+ Nhiệm vụ 1:*   * *Tên bức ảnh là “Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu nhi vùng cao Việt Bắc (năm 1960)”.* * *Một số câu hỏi gợi ý: (Những) Ai có mặt trong bức ảnh? Bức ảnh được chụp ở đâu? Vào thời gian nào? (Những) Người có mặt trong ảnh thể hiện cảm xúc/thái độ như thế nào?... Nhận xét về nội dung được thể hiện trong bức ảnh: sự vui vẻ, cởi mở giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các cháu thiếu nhi.*   *+ Nhiệm vụ 2:*   * *Tên hiện vật là “Trống đồng Ngọc Lũ”.* * *Một số câu hỏi gợi ý: Trống đồng Ngọc Lũ được tạo ra nhằm mục đích gì? Nhóm cư dân nào đã tạo ra trống đồng Ngọc Lũ? Trống đồng Ngọc Lũ được tạo ra vào khoảng thời gian nào? Ở đâu? Tại sao? Nhận xét về nhóm dân cư đã tạo ra trống đồng: cư dân Đông Sơn đã đạt đỉnh cao của nghệ thuật đúc đồng.*   - GV nhận xét, tổng kết: *tranh ảnh, hiện vật là những phương tiện học tập quan trọng để tìm hiểu về sự kiện, nhân vật lịch sử, sự vật, hiện tượng địa lí cụ thể*.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết nhìn bản đồ và tìm hiểu về đặc điểm của hiện vật.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Trò chơi Ai nhanh hơn?***  - GV chia HS cả lớp thành 2 đội chơi.  - GV lần lượt đọc các hỏi trắc nghiệm, các đội xung phong giành quyền trả lời. Đội nào có câu trả lời đúng và nhanh nhất, đó là đội chiến thắng.  - GV đọc câu hỏi:  **Câu 1:** Phương tiện nào được sử dụng để học môn lịch sử và địa lí?  A. Bản đồ  B. Máy tính  C. Ti vi  D. Đài phát thanh  **Câu 2:** Bản đồ là gì?  A. Danh sách các từ vựng liên quan đến địa lí  B. Bảng biểu hiện thông tin về các sự kiện lịch sử  C. Hình vẽ thu nhỏ của toàn bộ bề mặt Trái Đất hay một khu vực theo một tỉ lệ nhất định  D. Quyển sách giới thiệu về địa lí  **Câu 3:** Bước đầu tiên khi sử dụng bản đồ, lược đồ là gì?  A. Đọc tên bản đồ, lược đồ để biết được những thông tin chính và khu vực được thực hiện  B. Đọc chú giải để biết được các kí hiệu trong bản đồ, lược đồ  C. Đọc các thông tin trên bản đồ, lược đồ để trả lời cho các câu hỏi  D. Đọc các thông tin lịch sử trên bản đồ, lược đồ  **Câu 4:** Việt Nam có bao nhiêu tỉnh thành  A. 59  B. 63  C. 66  D. 70  **Câu 5:** Diện tích của thành phố Hà Nội  A. 1 359 km2  B. 2 359 km2  C. 3 359 km2  D. 4 359 km2  - GV mời các đội xung phong trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên bố đội thắng cuộc.  - GV chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | **Đáp án** | A | C | A | B | C |   ***Nhiệm vụ 2: Trả lời các câu hỏi bài tập phần Luyện tập SHS tr.9***  - GV chia HS thành các nhóm đôi.  - GV hướng dẫn HS đọc SHS tr.9 phần Luyện tập và nêu nhiệm vụ.  *+ Dựa vào hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Việt Nam:*   * *Chỉ trên bản đồ đường biên giới quốc gia của Việt Nam trên đất liền.* * *Phần đất liền của Việt Nam tiếp giáp với những quốc gia và biển nào*   *+ Tại sao hiện vật được coi là bằng chứng quan trọng để tìm hiểu về quá khứ?*  - GV mời đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận. Các cặp khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá:  *+ GV hướng dẫn HS chỉ theo đường ranh giới trên đất liền của Việt Nam và vùng giáp biển. Phía bắc Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc; phía tây giáp Lào và Cam-pu-chia; phía đông, phía nam và tây nam giáp Biển Đông.*  *+ Hiện vật được coi là bằng chứng quan trọng để tìm hiểu quá khứ vì hiện vật liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử; ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch sử đó.*  - GV nhận xét, tổng kết và tuyên dương những nhóm có câu trả lời chính xác.  *+ Về nhà sưu tầm về lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, hiện vật,... phục vụ học tập môn Lịch sử và Địa lí, buổi học sau mang đến giới thiệu cùng các bạn.*  *+ Viết các câu giới thiệu thông qua việc trả lời các câu hỏi: Đồ vật đó là gì? Em có được đồ vật đó nhân dịp nào? Đồ vật đó có hình dáng, màu sắc, kích thước.... như thế nào? Tại sao em yêu thích đồ vật đó...*  - GV có thể cho HS nộp sản phẩm trực tiếp hoặc trực tuyến. - GV nhận xét vào vở hoặc sản phẩm của HS (nếu cần).  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.* | - HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ được giao.    - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận; các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS thực hành theo nhóm.    - Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.    - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS chia thành các đội chơi.  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi.  - HS chơi trò chơi.    - HS lắng nghe.        - HS lắng nghe, thực hiện.    - HS lắng nghe và thực hiện. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**GDTC:**

**HĐTN:**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

* Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Khảo sát thực trạng cảnh quan trường học.
* Đánh giá thực trạng khảo sát.
* Tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp*.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ, trách nhiệm:* có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong việc khảo sát và đánh giá thực trạng; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.
* Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.
* Giấy, bút, bút màu.
* Phiếu khảo sát theo mẫu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 3: Sinh hoạt lớp: Tuyên truyền phong trào Trường em xanh, sạch, đẹp**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động,HS có khả năng:  - Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 1 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 2.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Tuyên truyền phong trào Trường em xanh, sạch, đẹp.**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Thiết kế được tranh tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp.*  - Đặt tranh ở vị trí phù hợp để tuyên truyền.  **b. Cách tiến hành:**  - GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:  + GV chia lớp thành các nhóm.  + GV phổ biến yêu cầu hoạt động: Các nhóm thiết kế bức tranh tuyên truyền phong trào *Trường em xanh, sạch, đẹp* cụ thể như sau:   * *Chuẩn bị các đồ dùng cần thiết: giấy, bìa cứng, bút, bút màu, giấy màu,...* * *Trao đổi, thảo luận ý tưởng thiết kế tranh tuyên truyền.* * *Tiến hành thiết kế tranh tuyên truyền theo ý tưởng cả nhóm đã thống nhất.*   - GV hướng dẫn làm việc cả lớp:  + GV tổ chức các nhóm giới thiệu và chia sẻ thông điệp muốn truyền tải qua bức tranh.  + GV mời một số HS bày tỏ cảm nhận về thông điệp mình thích nhất.  + GV hướng dẫn HS đặt bức tranh ở những vị trí phù hợp để tuyên truyền.    - GV kết luận: *Chúng ta đã thực hiện xong việc thiết kế tranh tuyên truyền và đặt tranh ở vị trí phù hợp để lan tỏa những thông điệp giữ gìn trường em xanh, sạch, đẹp.*  **Hoạt động 3: Hoạt động tiếp nối**  - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động ở nhà: *Giới thiệu với người thân bức tranh em đã thiết kế và thông điệp em muốn truyền tải.* | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.    - HS hoạt động theo nhóm.    - HS làm việc theo hướng dẫn của GV.  - HS bày tỏ cảm nhận của bản thân.  - HS đặt bức tranh vào vị trí GV hướng dẫn.    - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe và thực hiện. |

**V ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**